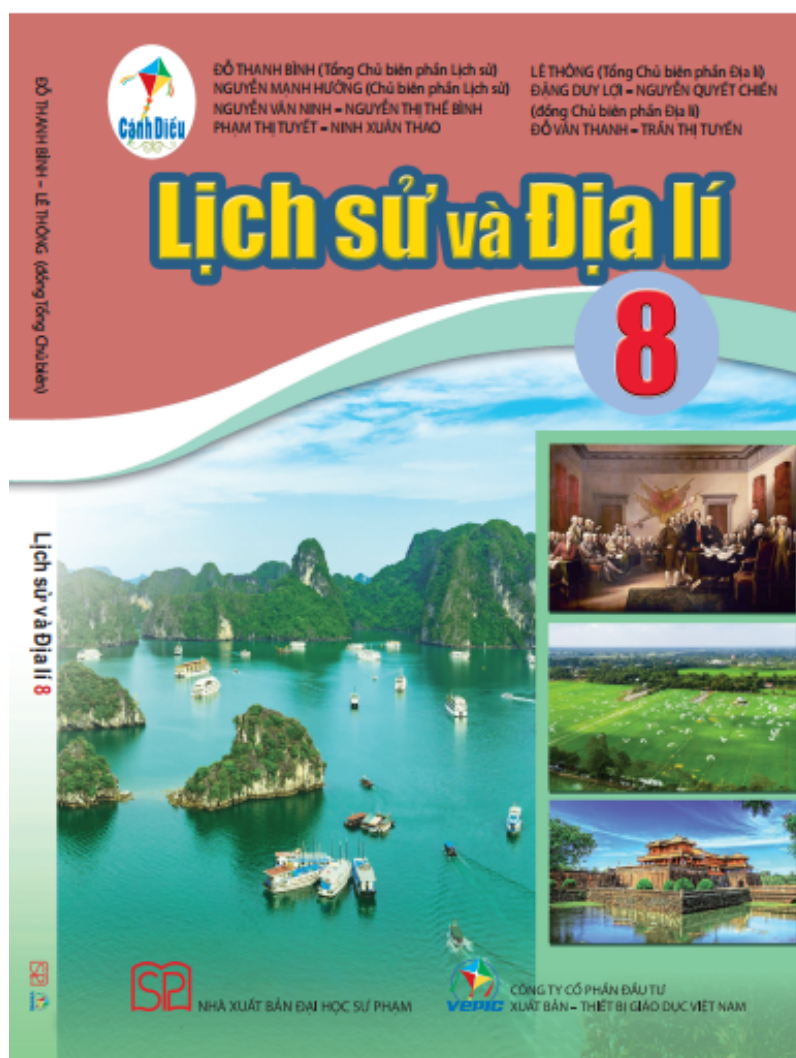


NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

----- oOo -----

TÀI LIỆU TẬP HUẤN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 (PHẦN LỊCH SỬ)
(BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)



HÀ NỘI – 2023

ĐỘI NGŨ TÁC GIẢ SGK LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 – PHẦN LỊCH SỬ

1- GS. TS. NGND Đỗ Thanh Bình, nguyên Trưởng khoa Lịch sử – Trường ĐHSP Hà Nội	Tổng Chủ biên (cấp Tiểu học, THCS và THPT)
2- PGS.TS Nguyễn Mạnh Hưởng, Trưởng bộ môn Lý luận và PPDH, Khoa Lịch sử - Trường ĐHSP Hà Nội	Chủ biên phần Lịch sử 8, tác giả SGK 7, 10 và 11
3- PGS.TS Nguyễn Thị Thế Bình, Khoa Lịch sử – Trường ĐHSP Hà Nội	Tác giả, Chủ biên SGK lớp 7; tác giả SGK 8, 10 và 11
4- TS. Nguyễn Văn Ninh, Trưởng khoa Lịch sử – Trường ĐHSP Hà Nội	Tác giả, Chủ biên SGK lớp 6, 10, 11; tác giả SGK 7
5- TS. Ninh Xuân Thao, Khoa Lịch sử – Trường ĐHSP Hà Nội	Tác giả (lớp 7, 8)
6- TS. Phạm Thị Tuyết, Khoa Lịch sử – Trường ĐHSP Hà Nội	Tác giả

THAM VẤN, GÓP Ý TÀI LIỆU: TS. Nguyễn Xuân Trường, Vụ THPT, Bộ GD & ĐT

MỤC LỤC

Phần A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4
1. Đặc điểm Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử và Địa lí – Phần Lịch sử	4
1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS – phần Lịch sử	4
1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học môn Lịch sử và Địa lí 8 (phần Lịch sử)	4
2. Thời lượng, cấu trúc và mạch nội dung SGK Lịch sử và Địa lí 8 – phần Lịch sử	8
2.1. Thông tin chung về SGK Lịch sử và Địa lí 8 (bộ sách Cánh Diều)	8
2.2. Thời lượng và cấu trúc chung của SGK Lịch sử và Địa lí 8	9
2.3. Mạch nội dung chương trình, chương, bài và phân bổ số tiết trong Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8 – phần Lịch sử	9
2.4. Cấu trúc bài học trong SGK Lịch sử và Địa lí 8 (phần Lịch sử)	11
3. Những điểm mới, ưu điểm của SGK Lịch sử và Địa lí 8 – phần Lịch sử	14
4. Định hướng về công tác tổ chức DH; PPDH; cách sử dụng thiết bị dạy học và học liệu; cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS khi sử dụng SGK Lịch sử và Địa lí 8 – phần Lịch sử	16
4.1. Cách thức tổ chức, xếp thời khóa biểu môn Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS	16
4.2. Phương pháp xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học với SGK	18
4.3. Cách sử dụng thiết bị dạy học và học liệu	25
4.4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	26
5. Hệ thống tài liệu tham khảo hỗ trợ giáo viên khi dạy học	30
Phần B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY - BÀI SOẠN GIÁO ÁN (THAM KHẢO)	24
1. Cấu trúc kế hoạch bài dạy – Bài soạn giáo án	31

2. Nội dung kịch bản - Kế hoạch bài dạy	32
Phần C. XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ (THAM KHẢO)	48
1. Hướng dẫn xây dựng bản đặc tả và khung ma trận đề kiểm tra	48
2. Ma trận, bản đặc tả và đề kiểm tra định kì (tham khảo)	53
3. Đáp án – hướng dẫn chấm	61

Phần A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ – PHẦN LỊCH SỬ

1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS – phần Lịch sử

Môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở (THCS) góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở học sinh (HS) các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Trong đó, phần Lịch sử giúp hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực và lịch sử Việt Nam; các quá trình phát triển về chính trị, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá – văn minh nhân loại, khơi dậy ở HS ham muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Lịch sử

1.2.1. Các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể

Phần Lịch sử góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Tổng thể).

– Các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Các cặp năng lực chung bao gồm: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2.2. Các năng lực đặc thù (năng lực lịch sử)

HS khi học Lịch sử và Địa lí 8 (phần Lịch sử) sẽ giúp các em hình thành và phát triển các thành phần năng lực đặc thù như: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kỹ năng lịch sử đã học vào cuộc sống.

Các năng lực đó có trong chương trình giáo dục, được các tác giả đưa ra ở từng bài học trong sách giáo khoa (SGK) *Lịch sử và Địa lí 8 – Phần Lịch sử*.

* Tìm hiểu lịch sử

– Nhận diện, sưu tầm được các nguồn sử liệu cơ bản hỗ trợ cho việc tìm hiểu, khám phá về lịch sử thế giới, lịch sử châu Á, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX có trong SGK *Lịch sử và Địa lí 8 – Phần Lịch sử*.

– Khai thác và sử dụng được thông tin tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên (GV) trong các bài học/ chủ đề chung.

Thành phần năng lực *Tìm hiểu lịch sử* được biểu hiện trong 17 bài học của SGK *Lịch sử và Địa lí 8– Phần Lịch sử* như sau:

+ Nhận biết được:

. *Lịch sử thế giới*: Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII; Những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

. *Lịch sử Việt Nam*: Nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước.

+ Nêu được:

. *Lịch sử thế giới*: Một số đặc điểm chính của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở Anh, Mỹ, Pháp; Những tác động quan trọng của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống; Những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây; Sự ra đời của giai cấp công nhân; Nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất; Một số nét chính về nguyên nhân, diễn biến, ý nghĩa lịch sử và tác động của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917; Kết quả và ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tân Hợi; Những nội dung chính và ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị; Một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX;

. *Lịch sử Việt Nam*: Những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc; hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn; Ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn; Một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII; Tác động của khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII; Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn; Những nét chính về tình hình kinh tế của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII; Quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884); Những tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đối với xã hội Việt Nam.

* **Nhận thức và tư duy lịch sử**

– Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện và quá trình lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả, có sử dụng sơ đồ, lược đồ, bản đồ lịch sử,... có trong SGK *Lịch sử và Địa lí 8 – Phần Lịch sử*.

– Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử.

– Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả; diễn biến các trận đánh và cuộc chiến trên lược đồ, bản đồ lịch sử.

– Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại của các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử.

– Trình bày được chủ kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử,... như lập luận khẳng định hoặc phủ định các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử,...

Thành phần năng lực *Nhận thức và tư duy lịch sử* được biểu hiện trong 17 bài học của SGK *Lịch sử và Địa lí 8 – Phần Lịch sử* như sau:

+ Mô tả được:

. *Lịch sử thế giới*: Những nét chính về cuộc đấu tranh của các nước Đông Nam Á chống lại ách đô hộ của thực dân phương Tây; Những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc; Một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX (phong trào công nhân, sự ra đời và hoạt động của các đảng và các tổ chức cộng sản,...); Một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn

học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX; Quá trình các nước đế quốc xâm lược Trung Quốc.

. *Lịch sử Việt Nam*: Ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn; Một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê, đánh bại quân Xiêm và quân Thanh xâm lược; Những nét chính về sự chuyển biến văn hoá, tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII; Sự ra đời của nhà Nguyễn; Quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn.

+ Trình bày được:

. *Lịch sử thế giới*: Những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của cách mạng tư sản; Những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp; Những nét chính trong quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á; Một số hoạt động chính của C. Mác, Ph. Ăng-ghen và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học; Những nét chính về Công xã Pa-ri (1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới – nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới; Sơ lược về Cách mạng Tân Hợi; Những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX; Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX.

. *Lịch sử Việt Nam*: Nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn; Khái quát về quá trình khai phá của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII; Một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ phong trào Tây Sơn; Những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời Nguyễn; Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế.

*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng lịch sử đã học vào cuộc sống**

– Biết sưu tầm, xử lí và khai thác thông tin các nguồn tư liệu để học tập.

– Sử dụng kiến thức lịch sử trong các bài học để giải thích, mô tả một số sự kiện, hiện tượng lịch sử trong cuộc sống.

– Vận dụng được kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá tác động của một sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử đối với cuộc sống hiện tại; để giải quyết những vấn đề thực tiễn, đồng thời giải thích các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.

– Khai thác, sử dụng được các nguồn tư liệu (hình ảnh, chữ viết) để lí giải các vấn đề liên quan đến lịch sử các nước Âu – Mỹ, lịch sử châu Á, khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam.

– Rút ra được những bài học lịch sử, quy luật lịch sử (về nguyên nhân thành công và nguyên nhân thất bại) để vận dụng vào cuộc sống.

– Rèn luyện được các kĩ năng như lập bảng, biểu về các sự kiện lịch sử; các kĩ năng khai thác tư liệu, đọc bản đồ và lược đồ lịch sử; các kĩ năng tranh luận, hợp tác nhóm; kĩ năng so sánh, nhận xét, đánh giá sự kiện và nhân vật lịch sử,... Thành phần năng lực *Vận dụng kiến thức, kĩ năng* được biểu hiện trong 17 bài học của SGK *Lịch sử và Địa lí 8 – Phần Lịch sử* như sau:

+ Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.

+ Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII đối với lịch sử dân tộc.

+ Nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.

+ Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đối với lịch sử nhân loại,...

+ Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành.

2. THỜI LƯỢNG, CẤU TRÚC VÀ MẠCH NỘI DUNG TRONG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 – PHẦN LỊCH SỬ

2.1. Thông tin chung về SGK Lịch sử và Địa lí 8 (bộ sách Cánh Diều)

– Sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 8* – bộ sách Cánh Diều đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định 715/QĐ-BGDĐT, Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023.

– Mục đích biên soạn: cung cấp một tài liệu học tập, công cụ học tập chính thức, toàn diện và hiệu quả cho HS trên toàn quốc, đồng thời cũng là tài liệu quan trọng định hướng cho giáo viên (GV) khai thác để tổ chức các hoạt động dạy - học và vận dụng các phương pháp dạy học phát triển phẩm chất và năng lực của HS.

– Đối tượng sử dụng: HS lớp 8, các GV dạy học môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS, các cán bộ quản lí giáo dục, phụ huynh HS,...

– Phạm vi sử dụng: trong giờ học trên lớp (chủ yếu), các hoạt động thực hành, vận dụng ngoài giờ lên lớp để hỗ trợ cho giờ học trên lớp, làm giàu tri thức cho HS.

- Tổng số trang: SGK là 174 trang (phần Lịch sử là 87 trang).
- Khổ sách: 19 x 26,5 cm.
- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm (Hà Nội).

2.2. Thời lượng và cấu trúc chung

Về thời lượng: môn Lịch sử và Địa lí 8 có tổng số tiết là 105 (dự kiến phần Lịch sử có 49 tiết, phần Địa lí có 48 tiết và phần chủ đề chung có 8 tiết), trong đó có 8 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá cho mỗi phần (mỗi học kì 4 tiết).

Về cấu trúc chung của sách: SGK Lịch sử và Địa lí 8 được cấu trúc thành:

- Phần mở đầu sách gồm: Lời nói đầu, Kí hiệu dùng trong sách.
- Nội dung phần Lịch sử được cấu trúc thành 7 chương (17 bài) theo mạch lịch đại (tiến trình thời gian) và đồng đại (không gian): Lịch sử thế giới – Lịch sử khu vực – Lịch sử Việt Nam. Số tiết Lịch sử thế giới là 20 và số tiết Lịch sử Việt Nam là 21.
- Cuối sách là Bảng Giải thích thuật ngữ, Bảng Tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài và Mục lục.

2.3. Mạch nội dung chương trình, chương, bài và phân bổ số tiết trong sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 8 – phần Lịch sử

Mạch nội dung theo chương trình	Chương/bài trong SGK	Số tiết
CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	Chương 1. CHÂU ÂU VÀ BẮC MỸ TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	5
<ul style="list-style-type: none"> – Cách mạng tư sản Anh – Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ – Cách mạng tư sản Pháp 	Bài 1. Cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ	4
<ul style="list-style-type: none"> – Cách mạng công nghiệp 	Bài 2. Cách mạng công nghiệp ở châu Âu và Bắc Mỹ	1

ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX	Chương 2. ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XIX	2
<ul style="list-style-type: none"> – Quá trình xâm lược Đông Nam Á của thực dân phương Tây – Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước ĐNA – Cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở ĐNA 	Bài 3. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX	2
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	Chương 3. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII	9
<ul style="list-style-type: none"> – Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn 	Bài 4. Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn	2
<ul style="list-style-type: none"> – Những nét chính trong quá trình mở cõi từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII 	Bài 5. Quá trình khai phá của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII	1
<ul style="list-style-type: none"> – Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII 	Bài 6. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII	1
<ul style="list-style-type: none"> – Phong trào Tây Sơn 	Bài 7. Phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII	3
<ul style="list-style-type: none"> – Kinh tế, văn hoá, tôn giáo trong các thế kỉ XVI – XVIII 	Bài 8. Kinh tế, văn hoá và tôn giáo Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII	2
CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	Chương 4. CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	7
<ul style="list-style-type: none"> – Sự hình thành chủ nghĩa đế quốc – Các nước Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX 	Bài 9. Các nước đế quốc Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX	2


– Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Marx	Bài 10. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác	3
– Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) – Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917	Bài 11. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917	2
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KỈ XVIII – XIX	Chương 5. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC, KỸ THUẬT, VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG CÁC THẾ KỈ XVIII – XIX	2
– Một số thành tựu khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật của nhân loại trong các thế kỉ XVIII – XIX – Tác động của sự phát triển khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX	Bài 12. Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX	2
CHÂU Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	Chương 6. CHÂU Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	4
– Trung Quốc – Nhật Bản	Bài 13. Trung Quốc và Nhật Bản	2
– Ấn Độ – Đông Nam Á	Bài 14. Ấn Độ và Đông Nam Á	2
VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	CHƯƠNG 7. VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	12
– Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX	Bài 15. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX	4
– Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX	Bài 16. Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX	5
– Việt Nam đầu thế kỉ XX	Bài 17. Việt Nam đầu thế kỉ XX	3

2.4. Cấu trúc bài học trong SGK Lịch sử và Địa lí 8 (phần Lịch sử)

Cấu trúc mỗi bài học bao gồm một chuỗi các hoạt động học tập của HS. Nhóm hoạt động được sắp xếp theo thứ tự bảo đảm tiến trình bài học chặt chẽ, bao gồm: tên bài học, mục tiêu – yêu cầu cần đạt về kiến thức (một biểu hiện của năng lực đặc thù) trong bài học, mở đầu, hình thành kiến thức mới, luyện tập – thực hành và vận dụng. Cụ thể là:

– **Tên bài** (sắp xếp theo thứ tự) trong một chương cụ thể. Ví dụ: *Bài 1. Cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ*.

– **Yêu cầu cần đạt** (theo quy định của Chương trình 2018), được thiết kế ngay dưới tên bài học, được đóng khung và viết dưới dạng: “*Học xong bài này, em sẽ: ...*”.

– **Mở đầu** (kí hiệu ) được thiết kế ngắn gọn, là những mẩu chuyện lịch sử, hình ảnh lịch sử (tượng đài, chân dung nhân vật, tranh châm biếm), đoạn thơ, câu nói nổi tiếng của nhân vật lịch sử có ảnh hưởng trong xã hội,... liên quan đến nội dung bài học; có tác dụng khơi gợi ở HS sự tò mò, mong muốn khám phá nội dung mới.


Ví dụ về mục tiêu – yêu cầu cần đạt (một biểu hiện của năng lực đặc thù) và khởi động/mở đầu khi dạy học Bài 9. *Các nước Âu – Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX* trong SGK Lịch sử và Địa lí (phần Lịch sử) được trình bày sinh động như sau:



Bài 9. CÁC NƯỚC ÂU – MỸ TỪ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

Học xong bài này, em sẽ:



- Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc.
- Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.


 Hình 9.1 là bức tranh biếm họa “Thế giới đã bị phân chia”, miêu tả đại diện của bốn nước đế quốc (Anh, Pháp, I-ta-li-a và Mỹ) ngồi quanh “chiếc bánh thuộc địa” đã được họ phân chia xong vào đầu thế kỉ XX, nhưng không đều. Bên ngoài, đế quốc Đức (người đứng giữa) không có phần nên tỏ thái độ tức giận, đòi chia lại.


Vậy quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc diễn ra như thế nào? Từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, các nước đế quốc Anh, Pháp, Đức và Mỹ có sự chuyển biến gì?






Hình 9.1. “Thế giới đã bị phân chia” (tranh biếm họa về các nước đế quốc phân chia thuộc địa vào đầu thế kỉ XX)


– **Hình thành kiến thức mới:** là phần trọng tâm của bài học, được bắt đầu bằng kí hiệu , trình bày những nội dung cốt lõi của bài học dưới dạng kênh chữ và kênh hình; các câu hỏi, nhiệm vụ học tập ở cuối mục kiến thức sẽ định hướng cho học sinh cách xác định kiến thức cơ bản để trả lời, đáp ứng được yêu cầu cần đạt của bài học, được kí hiệu bằng . Phần **Hình thành kiến thức mới** ngoài nội dung bài viết được trình bày cô đọng, kênh hình có chọn lọc (bám sát yêu cầu cần đạt) còn có những *ô mở rộng*, gồm có:

+ Ô “*Em có biết?*” kí hiệu  để mở rộng sự hiểu biết cho học sinh về một sự kiện, hiện tượng lịch sử nào đó liên quan đến mục kiến thức hoặc liên hệ thực tế, hướng đến phát triển năng lực tự học cho học sinh.

+ Ô “*Góc khám phá*” kí hiệu  để bổ sung tri thức lịch sử liên quan đến nội dung cơ bản của bài học, định hướng cho học sinh cách thức khám phá, làm giàu thêm kiến thức.

+ Ô “*Góc mở rộng*” kí hiệu  nhằm mở rộng, nâng cao kiến thức cho học sinh, gắn kiến thức của bài học với cuộc sống.

+ Ô “*Tư liệu*” dưới dạng một nguồn sử liệu bổ sung, được in nghiêng, đặt trong khung   để cung cấp thêm thông tin, cụ thể hoá cho nội dung, sự kiện lịch sử được nhắc tới trong mục kiến thức, giúp học sinh có thêm minh chứng quan trọng để có cái nhìn khách quan khi đánh giá về sự kiện, hiện tượng và nhân vật lịch sử.


Ví  Bài 1. *Cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ*, trong mục 3. *Cách mạng tư sản Pháp*, khi viết về ý c. *Tính chất, đặc điểm và ý nghĩa*, sách giáo khoa có đoạn trình bày:



Cách mạng tư sản Pháp do giai cấp tư sản lãnh đạo (không có sự liên minh với các tầng lớp khác), diễn ra dưới hình thức nội chiến và chống xâm lược, được sự ủng hộ rộng rãi của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt đã đưa cách mạng phát triển theo đường đi lên, đỉnh cao là giai đoạn cầm quyền của phái Gia-cô-banh. Những đặc điểm này đã dẫn đến tính triệt để của cách mạng Pháp.

“Con người sinh ra đều có quyền tự do và bình đẳng...” (Điều 1). “Quyền tư hữu là quyền bất khả xâm phạm và thiêng liêng, không ai có thể bị tước bỏ” (Điều 11).


(Trích: Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền (Pháp, năm 1789))



 Ngày 14-7-1791 được lấy làm ngày Dân tộc – ngày Quốc khánh của nước Pháp. Bức tượng Nữ thần Tự do

– **Luyện tập và vận dụng:** là các câu hỏi, nhiệm vụ học tập được đặt ở cuối mỗi bài học, trong đó **Luyện tập** (kí hiệu ) giúp học sinh tự củng cố, hệ thống hóa, khắc sâu kiến thức và rèn luyện các kĩ năng thực hành sau khi đã học xong; **Vận dụng** (kí hiệu ) để học sinh sử dụng những kiến thức đã học trong bài vào giải quyết một nhiệm vụ học tập mới có liên quan đến cuộc sống, hoặc kết nối kiến thức của bài học với cuộc sống hàng ngày.


Ví dụ, trong Bài 16. *Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX*. Bài học được phân bổ làm 5 tiết, gồm ba mạch kiến thức: 1) Quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta (1858 – 1884); 2) Đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước; 3) Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào

 Dựa vào các thông tin, tư liệu và quan sát hình 16.12, trình bày những nét chính về cuộc khởi nghĩa Yên Thế.



1. Vẽ sơ đồ tư duy về quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1884.

2. Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và khởi nghĩa Yên Thế theo nội dung sau:

Tên cuộc khởi nghĩa	Lãnh đạo	Địa bàn hoạt động	Hoạt động nổi bật	Kết quả, ý nghĩa
?		?	?	?
?	?	?	?	?



3. Sưu tầm tư liệu về một trong những lãnh tụ của phong trào yêu nước chống thực dân Pháp nửa sau thế kỉ XIX. Giới thiệu tư liệu đó với thầy cô và bạn học.

Cần vương và khởi nghĩa Yên Thế. Sau khi trình bày xong nội dung hình thành kiến thức mới, cuối mỗi mục trong SGK đều có câu hỏi bám sát yêu cầu cần đạt, cuối bài là hệ thống câu hỏi luyện tập – thực hành và vận dụng liên quan đến bài học.

3. NHỮNG ĐIỂM MỚI, ƯU ĐIỂM CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 – PHẦN LỊCH SỬ

– Phần Lịch sử được biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018, có những điểm khác với chương trình giáo dục trước đây. Các nội dung và hoạt động học tập trong tất cả các chương/ bài của phần Lịch sử 8 theo Chương trình GDPT năm 2018 đều được biên soạn, xây dựng theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Đó là 5 phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; 3 cặp năng lực chung là tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các

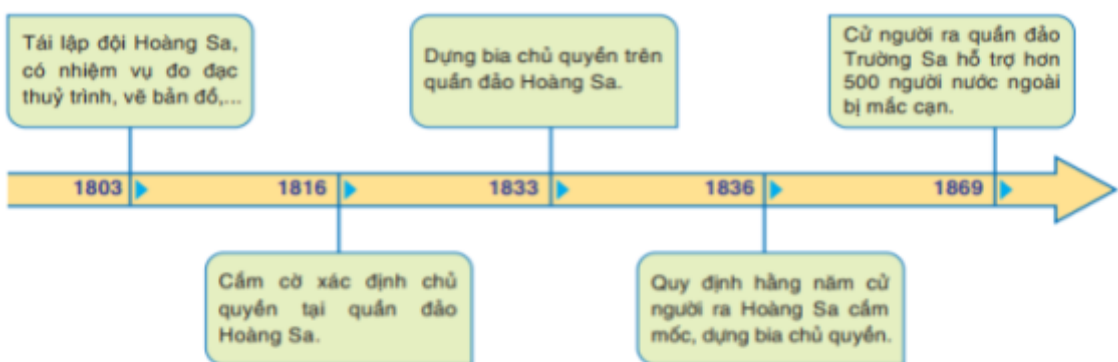
năng lực đặc thù là tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng (kiến thức, kĩ năng).

Bám sát mục tiêu dạy học, nội dung bài dạy (tên bài học định hướng) và yêu cầu cần đạt (ô đóng khung sau tên bài học), GV sẽ xác định những năng lực chung và phẩm chất cụ thể cần hình thành cho HS. Ví dụ khi xác định mục tiêu (về phẩm chất) ở Bài 16. *Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX*, GV sẽ đặt phẩm chất yêu nước và trách nhiệm lên hàng đầu.

– Nội dung trong SGK *Lịch sử và Địa lí 8 – phần Lịch sử* được biên soạn dựa trên cơ sở lựa chọn những kiến thức khoa học và sư phạm, cơ bản, cốt lõi và có hệ thống (kết hợp giữa lịch đại và đồng đại). Nội dung các bài học vừa bám sát yêu cầu cần đạt theo Chương trình năm 2018, vừa có độ mở và tích hợp với nhau, tạo điều kiện thuận lợi để GV lựa chọn các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động, đổi mới đánh giá.

– Các bài học viết theo chuỗi các hoạt động (định hướng trong phụ lục IV của Công văn số 5512/ BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khung kế hoạch bài dạy là dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh): Khởi động/Mở đầu, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập và Vận dụng.

– Nội dung các chương/ bài học và hai chủ đề chung đều đan xen hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình, có sự tích hợp (nội môn và liên môn) và tính phân hoá (bảo đảm các mức độ từ đáp ứng yêu cầu cần đạt đến mở rộng, nâng cao cho HS khá và giỏi). Về tính tích hợp, trong một chương/ bài, giữa các mạch nội dung và các hoạt động luôn có sự gắn kết chặt chẽ với nhau: gắn kết giữa Lịch sử thế giới và Lịch sử Việt Nam; giữa kiến thức Lịch sử với Địa lí, Văn học, Giáo dục công dân,...; tích hợp giữa Khoa học Sư phạm Lịch sử với Khoa học Sư phạm Địa lí và các khoa học khác. Việc tích hợp như vậy giúp HS vận dụng kiến thức, phát triển năng lực và phẩm chất. Ví dụ, mục VI (bài 15). *Quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn*:



Hình 15.7. Sơ đồ những sự kiện tiêu biểu trong quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn

Năm thứ 16, niên hiệu Minh Mạng [Ất Mùi, 1835] "... Năm ngoài vua toan dựng miếu lập bia ở chỗ ấy, bỗng vì sóng gió không



Về tính phân hoá, các nội dung và hoạt động học tập đều có tính mở để phù hợp với các đối tượng học sinh khác nhau, phù hợp với điều kiện của từng địa phương, đồng thời giúp GV linh hoạt hơn trong dạy học. SGK Lịch sử và Địa lí 8 (phần Lịch sử) được biên soạn với bối cảnh học tập rất đa dạng vừa để vừa tạo được hứng thú học tập, vừa để tất cả học sinh có thể tự tin tham gia các hoạt động học tập. Ví dụ, những học sinh có đam mê, hứng thú tìm hiểu sâu sắc hơn kiến thức lịch sử có thể khám phá thêm ở những mục: *Em có biết?*, *Góc khám phá*, *Góc mở rộng*,... Hệ thống câu hỏi trong sách cũng có các mức độ từ dễ đến khó, dành cho các mức độ nhận thức khác nhau



Hình 7.5. Quân Tây Sơn tấn công đồn Ngọc Hồi – Đống Đa (tranh vẽ lưu giữ tại Bảo tàng Quang Trung, Bình Định)



Ngày 30 Tết Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung mở tiệc cho quân sĩ ăn Tết Nguyên đán trước và hẹn ngày mùng 7 năm mới [âm lịch] vào Thăng Long mở tiệc lớn mừng thắng lợi. Lời hẹn đó đã đến sớm hơn 2 ngày. Hằng năm, cứ đến ngày mùng 5 Tết, nhân dân lại tổ chức lễ hội kỉ niệm chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa.

? – Trình bày những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn trong quá trình đánh bại quân Xiêm và quân Thanh xâm lược.

– Nêu những nét độc đáo về nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong quá trình đánh bại quân Xiêm và quân Thanh xâm lược.

Ví dụ, trong Bài 7. *Phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII*, mục 2. *Đại phá quân Thanh xâm lược (1789)*, sau khi trình bày nội dung kiến thức (có đan xen kênh chữ với kênh hình - lược đồ, tranh ảnh, mục Em có biết,...), SGK đưa ra câu hỏi cuối mục gồm câu hỏi bám sát yêu cầu cần đạt (theo quy định của chương trình) và câu hỏi nâng cao để phát triển năng lực học tập của những học sinh yêu thích, khám phá lịch sử.

4. ĐỊNH HƯỚNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC DH; PPDH; CÁCH SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU; CÁCH THỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HS KHI SỬ DỤNG SGK LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 - PHẦN LỊCH SỬ

4.1. Cách thức tổ chức, xếp thời khóa biểu môn Lịch sử và Địa lí 8 ở cấp THCS

– Về xây dựng kế hoạch giáo dục Nhà trường, môn học: GV môn Lịch sử và Địa lí đề xuất với lãnh đạo Nhà trường, chủ động từ sớm về lập kế hoạch, xây dựng chương trình Nhà trường, chương trình môn học, phân công GV phụ trách theo khối, lớp... (theo định hướng của các phụ lục trong Công văn 5512 của Bộ GD – ĐT ban hành tháng 12 – 2020).

– Về phân công GV đứng lớp: Việc phân công GV đứng lớp dạy phân môn Lịch sử hoặc phân môn Địa lí phải đúng chuyên môn. Theo quy định, nếu GV không được đào tạo, bồi dưỡng đúng chuyên môn thì không thể phân công giảng dạy. Ví dụ, tổ chuyên môn và lãnh đạo Nhà trường không được phân công GV môn KHTN dạy Sử, Địa....

– Về thời lượng và sắp xếp thời khóa biểu môn Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS: Theo quy định của Bộ GD – ĐT, việc dạy hai phân môn (Lịch sử và Địa lí) phải song song nhau, tương đương nhau về chương trình, bảo đảm khi kết thúc học kì phải tiến độ chương trình.

Lí do phải dạy song song cả hai phân môn: 1- Đây là 2 phân môn độc lập trong một môn học (môn Lịch sử và Địa lí, **không** phải hòa trộn), được đặt song song nhau, có những nội dung liên quan nhau (Nhà trường **không** được sắp xếp phân môn dạy trước, phân môn dạy sau, vì sẽ ảnh hưởng đến quá trình giáo dục HS không toàn diện, ngược với Chương trình GDPT 2018 đã xây dựng; 2- Liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá phải song song với nhau (Thông tư 32 quy định về bài kiểm tra đánh giá định kì – bài kiểm tra giữa kì và bài kiểm tra cuối kì phải bảo đảm có những nội dung kiểm tra theo đúng tiến độ chương trình).

Gợi ý cách thức sắp xếp thời khóa biểu dạy hai phân môn (Lịch sử và Địa lí 8)	
<p>Phương án 1:</p> <p>- Sắp xếp thời khóa biểu cố định theo 2 tháng/1 học kì (mỗi học kì có 5 tháng, giữa hai tháng có xen kẽ kiểm tra định kì – giữa kì hoặc cuối kì, nghỉ lễ, sơ kết học kì...). Trong 2 tháng đầu của mỗi học kì, xếp thời khóa biểu phân môn Lịch sử dạy 2 tiết/1 tuần, phân môn Địa lí dạy 1 tiết/1 tuần hoặc ngược lại; Hai tháng tiếp theo đảo ngược.</p> <p>- Ví dụ tháng 9 và 10, xếp thời khóa biểu cho phân môn Lịch sử dạy 2 tiết/tuần, phân môn Địa lí dạy 1 tiết/tuần; đến tháng</p>	<p>Phương án 2:</p> <p>- Sắp xếp thời khóa biểu theo từng tháng. Hai tuần đầu của tháng, Nhà trường sẽ xếp thời khóa biểu cho môn phân môn Lịch sử dạy 2 tiết/tuần, phân môn Địa lí dạy 1 tiết/tuần hoặc ngược lại; Sang tuần 3 và 4 của tháng thì sắp xếp thời khóa biểu cho phân môn Địa lí 2 tiết/tuần, phân môn dạy Lịch sử 1 tiết/1 tuần.</p> <p>- Ví dụ tuần 1 và tuần 2 của tháng 9, xếp phân môn Lịch sử dạy 2 tiết/tuần, phân môn Địa lí dạy 1 tiết/tuần; đến tuần 3 và tuần 4 của tháng 9, xếp thời phân môn Địa</p>

11 và 12 xếp thời khóa biểu cho phân môn Địa lí dạy 2 tiết/tuần, phân môn dạy Lịch sử 1 tiết/1 tuần. Sang học kì II cũng vậy.	lí dạy 2 tiết/1 tuần, phân môn dạy Lịch sử 1 tiết/1 tuần... Sang tháng 10 cũng vậy.
---	---

Lưu ý: Việc sắp xếp thời khóa biểu phải bảo đảm khi kết thúc học kì I, cả phân môn Lịch sử và phân môn Địa phải dạy xong 50% thời lượng (tương ứng dạy xong 26 tiết). Sắp xếp thời khóa biểu do lãnh đạo Nhà trường thực hiện, GV bộ môn có thể đề xuất, trao đổi.

– Về việc dạy các chủ đề chung – chủ đề tích hợp ở cấp THCS:

Thứ nhất, thời khóa biểu xếp cho GV dạy một mạch, không xếp thời khóa biểu dạy 1 tiết chủ đề/1 tuần (bảo đảm việc dạy học chủ đề phải liền mạch, không bị ngắt quãng, sẽ khó cho việc tổ chức hoạt động – dạy học chủ đề theo vấn đề sâu; dạy chủ đề khác với dạy học theo bài/nội dung kiến thức).

Thứ hai, chỉ sắp xếp thời điểm dạy chủ đề khi HS đã học xong xong kiến thức cơ bản ở các chương/bài có nội dung liên quan. Việc kiểm tra, đánh giá nội dung kiến thức trong chủ đề chung (nếu có) sẽ GV dạy chủ đề chung đề xuất và ra đề.

Ví dụ ở lớp 8, Nhà trường và tổ chuyên môn chỉ lên kế hoạch và tổ chức dạy chủ đề *Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông* khi HS đã học xong Bài 5. *Quá trình khai phá của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XIX*.

4.2. Phương pháp xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức DH với SGK

4.2.1. Định hướng khi sử dụng SGK để xây dựng kế hoạch bài dạy

- Thứ nhất, GV cần có quan niệm đúng đắn về SGK và sử dụng SGK khi xây dựng kế hoạch bài dạy. Chương trình GDPT 2018 là duy nhất trên toàn quốc nhưng cho phép GV sử dụng nhiều bộ SGK (đã được Bộ GD – ĐT phê duyệt sử dụng trong các cơ sở GDPT) để dạy học. GV **không** được có quan niệm sai lệch khi cho rằng vì hiện nay có nhiều bộ SGK nên SGK chỉ là tài liệu tham khảo, GV có thể tham khảo hoặc không cần tham khảo SGK khi xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức DH.

Quan niệm tiêu cực trên sẽ dẫn đến việc xa rời chương trình GDPT, không bám sát mục tiêu – yêu cầu cần đạt, làm xuất hiện hiện tượng GV và HS sử dụng tràn lan các tài liệu trôi nổi trên thị trường không được kiểm chứng. Ví dụ, GV sẽ khai thác tư liệu, hình ảnh bắt mắt trên các mạng xã hội để xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học; HS sưu tầm tư liệu, hình ảnh trên mạng xã hội để xây dựng sản phẩm học tập mà không được kiểm chứng...

GV cần có quan niệm đúng đắn về SGK và việc sử dụng SGK trong việc triển khai Chương trình GDPT 2018, 2022 (có chỉnh sửa, bổ sung ở cấp THPT): SGK là tài

liệu cơ bản cho GV và HS sử dụng trong dạy – học ở trường phổ thông. GV nghiên cứu SGK để xây dựng kế hoạch bài dạy, định hướng cho việc tổ chức các hoạt động học tập (bám sát Phụ lục V của Công văn 5512, do Bộ GD – ĐT ban hành tháng 12 – 2020); HS sử dụng SGK để học tập, nhằm đáp ứng được mục tiêu - yêu cầu cần đạt có trong Chương trình GDPT ở các cấp học, môn học theo quy định.

Bởi vì, SGK hiện nay là tài liệu cụ thể hóa Chương trình GDPT (2018, 2022), thể hiện được các mục tiêu - yêu cầu cần đạt của chương trình, đã được Hội đồng thẩm định Quốc gia thông qua, được Bộ trưởng Bộ DG – ĐT phê duyệt sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông). GV và HS các trường phổ thông có thể sử dụng nhiều SGK khác nhau để xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức hoạt động DH và học tập.

– Thứ hai, GV sử dụng SGK khi xây dựng kế hoạch bài dạy cần bám sát định hướng phụ lục V của Công văn 5512 về Khung kế hoạch bài dạy, nhưng linh hoạt, **không máy móc** (xem hướng dẫn chi tiết ở Phần B. **KẾ HOẠCH BÀI DẠY - BÀI SOẠN GIÁO ÁN**)

Trong việc tập huấn, bồi dưỡng GV toàn quốc – Chương trình ETEP (từ năm 2019 đến năm 2022) về triển khai Chương trình GDPT 2018, 2022 (có chỉnh sửa, bổ sung), lãnh đạo Bộ GD – ĐT và các báo cáo viên đã có sự thống nhất định hướng về cấu trúc trong xây dựng kế hoạch bài dạy và cách thức tổ chức hoạt động dạy-học theo chuỗi các hoạt động. GV có thể tiếp cận một trong hai cách sau đây đều được:

A. Hai cách tiếp cận xác định mục tiêu trong Kế hoạch bài dạy (về cấu trúc)	
Cách 1 (theo đúng Phụ lục V, Công văn 5512) nhấn mạnh cơ sở để hình thành năng lực HS phải bắt đầu từ việc hình thành kiến thức	Cách 2 (theo lô-gic, cấu trúc của năng lực: năng lực được hình thành do ba yếu tố hợp lại, gồm có kiến thức, ý thức-thái độ và kĩ năng-kĩ xảo của người học)
<p>1. Mục tiêu</p> <p>Học xong bài này, HS được hình thành và phát triển:</p> <p><i>1.1. Kiến thức</i></p> <p>(GV nêu cụ thể nội dung kiến thức HS cần học được/đạt được trong bài học theo <u>yêu cầu cần đạt của nội dung của chương/ chủ đề/ chuyên đề tương ứng</u></p>	<p>1. Mục tiêu</p> <p>Học xong bài này, HS được hình thành và phát triển:</p> <p><i>1.1. Năng lực</i></p> <p><i>a) Năng lực đặc thù</i></p> <p>(GV nêu tên thành phần năng lực HS cần hướng tới qua bài học, thông qua yêu cầu HS cần làm gì để thực hiện được <u>yêu cầu</u></p>

<p>trong chương trình môn học. GV dựa vào yêu cầu cần đạt trong SGK – ô đóng khung sau tên bài học, đã được cụ thể hóa trong chương trình cấp học.</p> <p><i>1.2. Năng lực</i></p> <p>(GV nêu cụ thể yêu cầu HS cần làm được gì (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức (HS cần học trong bài để thực hiện được <u>yêu cầu cần đạt của nội dung của chương/ chủ đề/ chuyên đề tương ứng</u> trong chương trình môn học. VD: Năng lực chung: Giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, trao đổi về những vấn đề chung của các cuộc cách mạng tư sản.</p> <p><i>1.3. Phẩm chất</i></p> <p>(GV nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện của mỗi phẩm chất mà HS cần phát triển, gắn với nội dung bài dạy) trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức vào cuộc sống).</p>	<p><u>cần đạt của nội dung của chương/ chủ đề/ chuyên đề tương ứng</u> trong chương trình môn học). VD: Năng lực tìm hiểu LS thông qua sưu tầm tư liệu, khai thác thông tin và hình ảnh trong SGK để nêu được nguyên nhân bùng nổ Cách mạng tư sản Anh.</p> <p><i>b) Năng lực chung</i></p> <p>(Nêu tên năng lực HS cần hướng tới qua bài học thông qua yêu cầu HS cần làm được gì và phát triển những gì để thực hiện được <u>yêu cầu cần đạt của nội dung của chương/ chủ đề/ chuyên đề tương ứng</u> trong chương trình môn học. VD: Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, trao đổi về những vấn đề chung của các cuộc cách mạng tư sản.</p> <p><i>1.2. Phẩm chất</i></p> <p>(GV nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện của mỗi phẩm chất mà HS cần phát triển, gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống).</p>
B. Hai cách tiếp cận xây dựng và tổ chức HĐ trong kế hoạch bài dạy (về cấu trúc)	
<p>Cách 1 (theo đúng Phụ lục V, Công văn 5512) nhấn mạnh 4 yếu tố: Tên hoạt động □ Mục tiêu □ Nội dung □ Sản phẩm □ Tổ chức thực hiện (Chuyển giao nhiệm vụ; Thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo, thảo luận; Kết luận, nhận định).</p>	<p>Cách 2 (gộp lại cho gọn): Mục tiêu □ Tổ chức thực hiện (Chuyển giao nhiệm vụ - đưa ra nội dung, các công việc cụ thể cho GV và HS triển khai; Thực hiện nhiệm vụ - tức tạo ra sản phẩm học tập; Báo cáo, thảo luận; Kết luận, nhận định).</p>

<p>Tên hoạt động: ...</p>	<p>Tên hoạt động: ...</p>
<p><i>Mục tiêu:</i> Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Khởi động/Mở đầu).</p>	<p><i>Mục tiêu:</i> Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Khởi động/Mở đầu).</p>
<p><i>Nội dung:</i> Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với SGK, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (<u>lắng nghe, đọc/xem-quan sát/nói/làm/tao ra</u>) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.</p> <p><i>Sản phẩm:</i> Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà HS cần viết ra, phải trình bày được.</p> <p><i>Tổ chức thực hiện:</i> Hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện và kiểm tra, đánh giá quá trình, kết quả thực hiện hoạt động của HS.</p>	<p><i>Tổ chức thực hiện:</i> GV tổ chức hoạt động, triển khai theo 4 bước để hướng dẫn HS thực hiện (<u>HS lắng nghe, đọc/xem-quan sát/nói/làm/tao ra</u>) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức, giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.</p> <p>Trong tổ chức thực hiện, GV hỗ trợ, tham vấn cho HS thực hiện nhiệm vụ; tổ chức đánh giá quá trình, kết quả thực hiện hoạt động của HS (sử dụng kết hợp các phương pháp, kỹ thuật DH khác nhau để hướng tới mục tiêu đã xác định ở Hoạt động 1).</p>

4.2.2. Định hướng khi sử dụng SGK để tổ chức các hoạt động dạy-học

Để hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực HS (trong đó có thành phần Lịch sử), phải gắn với việc tổ chức các hoạt động học tập của HS ở lớp học, trong và ngoài nhà trường, thông qua các hoạt động cụ thể và phải lấy HS làm trung tâm trong suốt quá

trình dạy học. Trong quá trình đó, GV đóng vai trò tổ chức, định hướng, hướng dẫn HS đọc, hiểu, giải mã các văn bản lịch sử (kênh hình, kênh chữ, hiện vật,...), từ đó HS tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy luận, phân tích, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử và quá trình phát sinh, phát triển của lịch sử; HS trở thành “người đóng vai nhân vật lịch sử”, hay “người làm sử” để khám phá kiến thức lịch sử, vận dụng sáng tạo hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội Việt Nam và thế giới vào các tình huống học tập cũng như thực tiễn cuộc sống.

Trong các bài học, những thông tin, tư liệu, các kênh hình (sơ đồ, tranh, ảnh,...),... là định hướng để GV tổ chức cho HS khai thác các tư liệu và kênh hình trả lời các dạng câu hỏi trong SGK. Cuối mỗi bài học đều có hệ thống câu hỏi hoặc bài tập mang tính tiểu kết, khái quát hoá, vận dụng nội dung bài học vào thực tiễn.

Trong việc hình thành và phát triển năng lực HS, khi tổ chức hoạt động hình thành kiến thức mới, thầy, cô giáo cần hướng vào các cụm động từ sau đây:

+ Lắng nghe hiệu lệnh, nhiệm vụ chuyển giao (GV chuyển giao nhiệm vụ học tập, học sinh tiếp nhận câu hỏi, nhiệm vụ học tập).

+ Đọc thông tin và tư liệu, kết hợp quan sát kênh hình để giải quyết nhiệm vụ học tập.

+ Viết, nói, phát biểu, thảo luận (học sinh suy nghĩ và viết ra những gì mình đã lắng nghe, đã đọc và quan sát được, hoặc suy nghĩ, nhận ra; trao đổi ý kiến cùng nhóm và chốt lại ý kiến thống nhất của nhóm).

+ Làm, tạo ra sản phẩm (loại hình sản phẩm do cá nhân, nhóm tạo ra như phiếu học tập, lập bảng tóm tắt, sơ đồ tư duy, poster,... là những minh chứng cụ thể về sản phẩm học tập sau một quá trình hoạt động, là biểu hiện của năng lực).

+ Nhận xét, đánh giá, tranh luận (đưa ra ý kiến, quan điểm, đánh giá sản phẩm của bạn học sau khi được lắng nghe bạn báo cáo, trình bày,...).

❖ Một số gợi ý khi tổ chức các chuỗi các hoạt động học tập

– Tổ chức chuỗi hoạt động học để HS chủ động khám phá những điều chưa biết.

Trong dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực, yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học để HS tích cực chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập, từ đó tìm hiểu các kiến thức, kỹ năng mới, vừa học hỏi được phương pháp để hình thành kiến thức, kỹ năng đó. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện trên lớp, ở nhà, không gói gọn trong phạm vi một tiết học. Để hướng đến mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực đã đặt ra trong bài học, ở mỗi hoạt động học

cần xác định rõ các yếu tố: mục tiêu hoạt động và cách thức tổ chức thực hiện (bao gồm cả định hướng sản phẩm học tập, phương án kiểm tra, đánh giá mức độ mà HS đạt được mục tiêu đề ra). Khi tổ chức các hoạt động học, GV theo dõi và có những phương án hỗ trợ HS khi cần thiết.

Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) và kiểm tra, đánh giá; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH về xây dựng kế hoạch dạy học tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng đã nêu rõ quá trình dạy học mỗi chuyên đề cần được thiết kế thành các hoạt động học của HS dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HS tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích hoạt động dạy học của GV cần tuân thủ quan điểm phân tích hiệu quả hoạt động học của HS, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HS của GV. Chuỗi hoạt động được thể hiện như sau:

Thứ nhất, phải xác định rõ các mục tiêu của bài học.

Mục tiêu của bài học còn gọi là yêu cầu cần đạt của bài học, là kết quả mong đợi của bài học. HS phải đạt được những gì về kiến thức, kỹ năng, thái độ; có thể hình thành và phát triển cho HS năng lực và phẩm chất gì sau mỗi bài học. Xác định yêu cầu cần đạt/mục tiêu bài học chính là xác định “đầu ra” của quá trình dạy học. Mục tiêu bài học là “kim chỉ nam” định hướng cho tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Từ những yêu cầu cần đạt này, GV có thể dễ dàng xác định xem bài học này góp phần phát triển cho HS những PC và NL nào.

Trong mỗi bài học, yêu cầu cần đạt (về kiến thức – một biểu hiện của năng lực lịch sử) liên quan đến bài học đã được thể hiện ở phần đầu, được đóng trong khung. Các yêu cầu này đã được quy định trong Chương trình 2018. Do vậy, GV có thể dựa vào đây để xác định mục tiêu, để định hướng các hoạt động cần tổ chức cho HS khi tìm hiểu nội dung bài học.

Đưa yêu cầu cần đạt vào đầu bài học là một trong những điểm mới của SGK. Thông qua các yêu cầu này, GV có thể xác định được mục tiêu của bài học – cái đích cần đến của HS, từ đó tìm ra cách tổ chức hoạt động học tập cho HS phù hợp.

Thứ hai, phải tạo cho HS hứng thú khi tổ chức hoạt động Khởi động/Mở bài.

Mục đích của khởi động là tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong SGK, các tài

liệu học tập; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này.

Phương thức thực hiện có thể thông qua các câu hỏi/ tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kĩ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ học trong chủ đề bài học (bản khoản, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...).

Sản phẩm cần đạt khi HS tham gia hoạt động khởi động là các câu hỏi nhận thức, dự đoán, giả sử/ giả thuyết liên quan đến chủ đề bài học mới, dự kiến kế hoạch học tập tiếp theo của HS. Các sản phẩm này chỉ được hình thành thông qua hoạt động học tập trên lớp của HS theo hướng dẫn của GV.

Gợi ý cần giải quyết cho hoạt động này là: 1- Tình huống/ câu hỏi/ lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm sẵn có nào đó của HS (HS đã học kiến thức/ kĩ năng đó khi nào?); 2- Vận dụng kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm đã có đó thì HS có thể trả lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/ sản phẩm học tập mà HS có thể hoàn thành; 3- Để hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập nói trên, HS cần vận dụng kiến thức/ kĩ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong hoạt động hình thành kiến thức (có thể không phải là toàn bộ kiến thức/ kĩ năng mới trong bài).

Ở ví dụ trên (*Bài 11. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917*). GV cần tổ chức cho HS đạt được các yêu cầu cần đạt sau và đây cũng chính là mục tiêu của bài học, trên cơ sở đó tổ chức cho HS tìm hiểu từng nội dung trong bài học để đạt mục tiêu. GV có thể tổ chức khởi động theo hai cách:

Cách 1: GV có thể sử dụng như phần Mở bài như nội dung viết trong SGK.



Bài 11. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918) VÀ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đối với lịch sử nhân loại.
- Nêu được một số nét chính về nguyên nhân, diễn biến, ý nghĩa lịch sử và tác động của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.



11 giờ ngày 11-11-2018, tại Khải Hoàn Môn (Pa-ri, Pháp) đã diễn ra Lễ kỉ niệm 100 năm Ngày kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1918 – 2018) với sự tham dự của hơn 70 nguyên thủ đến từ các nước. Trước đó một năm (2017), tại Mát-xcơ-va (Nga) và nhiều quốc gia khác cũng tổ chức lễ kỉ niệm 100 năm thắng lợi Cách mạng tháng Mười (1917 – 2017).

Cách 2: GV có thể chọn lọc một số hình ảnh/video clip về sự kiện Chiến tranh thế giới thứ nhất hoặc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, yêu cầu HS nêu hiểu biết/suy nghĩ của mình về những hình ảnh đó, có mối liên hệ gì đến nội dung bài học. HS trả lời xong, GV dẫn dắt vào bài học mới.

Thứ ba, kết hợp nhiều phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong quá trình tổ chức hoạt động hình thành kiến thức mới cho HS.

Mục đích của hoạt động này giúp cho HS khám phá, hình thành kiến thức, phát triển kỹ năng mới theo yêu cầu cần đạt của bài.

Về phương thức thực hiện, GV xác định các hoạt động học tập cần tổ chức cho HS để đạt được mục tiêu/ yêu cầu cần đạt của bài học. Sau đó, GV vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức mới và rèn luyện kỹ năng trong học tập lịch sử.

Về sản phẩm học tập cần đa dạng như phiếu học tập, sơ đồ tư duy, bảng thống kê, bài trình bày báo cáo trên giấy Ao, sơ đồ hoá kiến thức,...

Thứ tư, GV cần tổ chức hoạt động luyện tập & thực hành và vận dụng đa dạng.

Mục đích của hoạt động này nhằm giúp HS hệ thống kiến thức, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học, đồng thời, đánh giá xem HS có đạt được mục tiêu bài học hay không.

Về phương thức thực hiện, GV tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học. Ở hoạt động này, HS có thể hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm, GV có thể sử dụng nhiều dạng câu hỏi, bài thực hành khác nhau.

Sản phẩm của hoạt động này cần đa dạng lời giải và kết quả giải các câu hỏi, bài tập/ tình huống (thông qua các dạng bài tập hoặc trò chơi, viết thông tin phản hồi,...).

Trong hoạt động vận dụng, GV nên tập trung giải quyết các câu hỏi, bài tập trong SGK. Tuy nhiên, GV cũng có thể mở rộng những câu hỏi, bài tập ngoài SGK cho phù hợp với đối tượng HS khá – giỏi (căn cứ vào thực tiễn và môi trường học tập cụ thể).

4.3. Cách sử dụng thiết bị dạy học và học liệu

Sử dụng thiết bị dạy học và học liệu trong mỗi bài học là tiêu chí đánh giá, đồng thời là yêu cầu bắt buộc của việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS. Thiết bị dạy học và học liệu tối thiểu của phần Lịch sử nói chung và phần Lịch sử 8 nói riêng bao gồm:

– Các bản đồ giáo khoa treo tường (thế giới, khu vực, Việt Nam) phù hợp với nội dung từng bài học và lứa tuổi HS lớp 8.

– Mô hình, hiện vật, tranh – ảnh in trên giấy, hình kỹ thuật số tĩnh và động,...

– Các bản đồ, lược đồ, sơ đồ, các video clip được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung từng bài học Lịch sử 8.

– Các tư liệu có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng, phiếu học tập có các nguồn sử liệu; các tờ bài tập (bản đồ, lược đồ, sơ đồ, hệ thống hoá kiến thức). Ở các trường có điều kiện cơ sở vật chất tốt hơn, có thể xây dựng phòng bộ môn hoặc phòng học chuyên dụng phục vụ việc dạy học lịch sử. Những yêu cầu về thiết bị nêu trên còn tùy thuộc vào khả năng, điều kiện của mỗi trường. Nhưng trong quá trình dạy học, GV phải có những thiết bị tối thiểu như bản đồ, lược đồ lịch sử, sơ đồ, biểu đồ liên quan mà nội dung lịch sử đặt ra. GV cũng không nên lạm dụng công nghệ thông tin, dùng quá nhiều kênh hình trong một tiết dạy, dẫn đến “quá tải”, không bảo đảm “tính vừa sức” đối với HS. Kênh hình lịch sử không chỉ minh họa cho nội dung kênh chữ, mà còn ẩn chứa những thông tin quan trọng để minh chứng và cụ thể hoá cho sự kiện trong bài. GV cần đưa ra câu hỏi định hướng để HS khai thác, qua đó kích thích HS học tập tích cực và sáng tạo, giúp các em làm giàu tri thức lịch sử.

4.4. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

4.4.1. Định hướng chung

Thứ nhất, việc kiểm tra, đánh giá dạy học phát triển năng lực thực hiện theo hướng dẫn trong Thông tư 22 Quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT, ngày 20/7/2021 của Bộ GD – ĐT.

GV căn cứ vào Thông tư 22 và đối chiếu số tiết theo quy định để ghi điểm vào sổ cái đánh giá HS trong từng học kì như sau:

Điều 6. Đánh giá thường xuyên hướng dẫn, nếu môn học có 35 tiết học/ năm học ghi 2 đầu điểm kiểm tra thường xuyên; môn học có trên 35 tiết học đến 70 tiết học/ năm học ghi 3 đầu điểm kiểm tra thường xuyên; môn học có trên 70 tiết học năm học ghi 4 đầu điểm kiểm tra thường xuyên.

2- Điều 7. Đánh giá định kì hướng dẫn (không áp dụng với cụm chuyên đề - cấp THPT), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thông qua bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành hay dự án học tập.

<p>Điều 6. Đánh giá thường xuyên</p> <p>1. Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.</p> <p>2. Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này, như sau:</p> <p>a) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét (không bao gồm cụm chuyên đề học tập): mỗi học kì chọn 02 (hai) lần.</p> <p>b) Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số (không bao gồm cụm chuyên đề học tập), chọn số điểm đánh giá thường xuyên (sau đây viết tắt là ĐDG_{tx}) trong mỗi học kì như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môn học có 35 tiết/năm học: 02 ĐDG_{tx}. - Môn học có trên 35 tiết/năm học đến 70 tiết/năm học: 03 ĐDG_{tx}. - Môn học có trên 70 tiết/năm học: 04 ĐDG_{tx}. <p>Hướng dẫn của Thông tư 22, Bộ GD – ĐT ngày 20/7/2021 Quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT</p>	<p>Điều 7. Đánh giá định kì</p> <p>1. Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút. - Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông. - Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện. <p>2. Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét có 01 (một) lần đánh giá giữa kì và 01 (một) lần đánh giá cuối kì.</p> <p>3. Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 01 (một) điểm đánh giá giữa kì (sau đây viết tắt là ĐDG_{gk}) và 01 (một) điểm đánh giá cuối kì (sau đây viết tắt là ĐDG_{ck}).</p>
---	---

Thứ hai, về cách lấy điểm kiểm tra thường xuyên cần đa dạng với nhiều hình thức, cách thức khác nhau. GV có thể nhiều lần tổ chức kiểm tra và ghi điểm kiểm tra thường xuyên HS (vào sổ cá nhân), nhưng khi ghi điểm vào sổ cái thì chỉ ghi đúng số lượng đầu điểm theo quy định (có thể lấy những điểm cao – đánh giá vì sự tiến bộ của HS); hoặc GV có thể cộng tổng và chia bình quân điểm các bài kiểm tra để lấy 1 đầu điểm ghi vào sổ cái.

4.4.2. Tổ chức thực hiện

Thứ nhất, việc kiểm tra, đánh giá HS trong DH phát triển năng lực phải có kế hoạch từ đầu năm học, GV cả hai phân môn cần xây dựng ma trận (như Bộ GD – ĐT đã tập huấn).

- Về cấu trúc - ma trận đề, phân chia tỉ lệ (%) trong xây dựng ma trận đề kiểm tra

GV có thể tham khảo theo tỉ lệ/ công thức 1: 4 – 3 – 2 – 1 hoặc 6 – 1 – 2 – 1.

. Ví dụ ra đề kiểm tra tỉ lệ/ công thức 1: 4 – 3 – 2 – 1

4.0 điểm trắc nghiệm: 40% (đánh giá ở mức độ nhận biết)

3.0 điểm tự luận: 30% (đánh giá ở mức độ thông hiểu).

2.0 điểm tự luận: 20% (đánh giá ở mức độ vận dụng)

1.0 điểm tự luận: 10% (đánh giá ở mức độ vận dụng cao)

. Ví dụ ra đề kiểm tra tỉ lệ/ công thức 2: 6 – 1 – 2 – 1:

6.0 điểm trắc nghiệm: 60% (đánh giá ở mức nhận biết 4 điểm, thông hiểu 1 điểm)

4.0 điểm tự luận: 40% (đánh giá ở mức thông hiểu 1.0 điểm, vận dụng 2 .0 điểm và vận dụng cao 1.0 điểm).

Những chia sẻ, gợi ý ở trên phù hợp với việc kiểm tra, đánh giá HS hiện nay, khuyến khích GV ở các địa phương tham khảo, nhưng **không** áp đặt hoặc ép buộc. Tùy theo đặc thù của mỗi địa phương, GV có thể xây dựng ma trận và đề kiểm tra cho phù hợp, bảo đảm đánh giá thực chất và phát triển năng lực HS. Tuy nhiên, GV nên xây dựng ma trận đề và ra câu hỏi trắc nghiệm để đánh giá HS ở mức độ nhận biết và một phần thông hiểu (để tạo điều kiện cho những HS có học lực trung bình làm được bài kiểm tra); để đánh giá mức độ thông hiểu, GV có thể sử dụng cả câu hỏi trắc nghiệm và tự luận; câu hỏi vận dụng và vận dụng cao chỉ nên áp dụng cho câu hỏi tự luận để có thể kiểm tra và đánh giá khả năng diễn đạt, trình bày ngôn ngữ của HS.

– Khi xây dựng ma trận, đề kiểm tra cuối kì phải kiểm tra kiến thức của cả học kì theo quy định phân phối chương trình, nhưng chỉ dành 10 – 15% kiểm tra kiến thức của nửa đầu học kì (vì HS đã được kiểm tra, đánh giá định kì – giữa học kì rồi).

– Việc kiểm tra, đánh giá định kì môn học (cả hai phân môn) phải được xây dựng dựa trên ma trận, bản đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình GDPT 2018. GV **không** xây dựng ma trận và ra đề cho từng phân môn, cần có sự thống nhất của GV hai phân môn ngay từ đầu năm học.

– Đối với việc dạy học và ra câu hỏi kiểm tra đánh giá chủ đề chung (nếu có): Nếu ra câu hỏi, đề kiểm tra vào chủ đề chung thì GV phụ trách dạy chủ đề chung – chủ đề tích hợp sẽ đề xuất trong xây dựng ma trận và ra câu hỏi kiểm tra.

Thứ hai, về công tác tổ chức kiểm tra đánh giá và cách thức ghi số lượng đầu điểm kiểm tra vào điểm (trong sổ cái).

– Thời gian và hình thức tổ chức kiểm tra HS do hiệu trưởng nhà trường quyết định, nhưng phải thực hiện theo hướng dẫn của Điều 7 trong Thông tư 22.

– Nếu nhà trường tổ chức kiểm tra theo hình thức tập trung thì thời lượng cho cả hai phân môn là 60 hoặc 90 phút (tương ứng 2 tiết, mỗi phân môn một tiết). Nếu Nhà trường không tổ chức cho HS làm bài kiểm tra định kì tập trung thì đề kiểm tra của mỗi phân môn tách riêng, GV tổ chức cho HS làm đề kiểm tra trong thời gian 45 phút (1 tiết học), nhưng nội dung đề kiểm tra vẫn dựa trên ma trận chung của môn Lịch sử và Địa lí đã thống nhất.

– Ghi số đầu điểm kiểm tra thường xuyên: Môn Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS có 105 tiết, được ghi 4 đầu điểm kiểm tra thường xuyên, mỗi phân môn ghi 2 đầu điểm (theo quy định trong Thông tư 22, môn học có trên 70 tiết ghi 4 đầu điểm kiểm tra thường xuyên).

Cách lấy điểm kiểm tra thường xuyên: GV có thể nhiều lần tổ chức kiểm tra và ghi điểm kiểm tra thường xuyên HS (vào sổ cá nhân), nhưng khi ghi điểm vào sổ cái thì chỉ

ghi đúng số lượng đầu điểm theo quy định (có thể lấy những điểm cao – đánh giá vì sự tiến bộ của HS); hoặc GV có thể cộng tổng và chia bình quân điểm các bài kiểm tra để lấy 1 đầu điểm ghi vào sổ cái.

– Ghi số điểm kiểm tra, đánh giá định kì: Môn Lịch sử và Địa lí có 2 điểm định kì/học kì (gồm điểm kiểm tra giữa kì và điểm kiểm tra cuối kì).

Thứ ba, về phương pháp và cách thức đánh giá HS

– Khi đánh giá kết quả học tập của HS, GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt về năng lực lịch sử, năng lực chung và các phẩm chất chủ yếu; vận dụng vào từng bài học cụ thể để có hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp. Việc kiểm tra, đánh giá HS cần đa dạng, như:

– Kiểm tra, đánh giá nội dung lí thuyết: những nhận thức, sự thông hiểu các sự kiện lịch sử (đúng hay sai, đủ hay thiếu, cơ bản hay không cơ bản,...); khả năng tư duy, suy luận, nhận định, đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử,... thông qua các hình thức, cách thức đa dạng như trắc nghiệm, trắc nghiệm kết hợp với tự luận, hỏi đáp, thuyết trình, sản phẩm học tập, dự án học tập, đánh giá qua hoạt động học tập của HS. Việc đánh giá cần kết hợp giữa nhận xét và điểm số cấp THCS, hình thức kiểm tra, đánh giá trắc nghiệm nên được sử dụng nhiều hơn so với tự luận, nhưng GV hạn chế sử dụng loại câu hỏi ít phát triển tư duy HS (ai, ở đâu, khi nào?). GV cần tham khảo thêm Thông tư 22 của Bộ GD và ĐT.

– Kiểm tra, đánh giá các kĩ năng thực hành: làm việc với bản đồ, lược đồ lịch sử, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh; quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập, vẽ poster giới thiệu về lịch sử,... GV không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử của HS làm trung tâm của việc đánh giá, cần chú trọng khả năng vận dụng tri thức lịch sử vào tình huống cụ thể.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học trên lớp đối với HS bằng nhiều hình thức khác nhau: đánh giá qua quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện các dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập,... GV cũng tạo điều kiện để HS tham gia vào quá trình đánh giá.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về năng lực, phẩm chất và sự tiến bộ của HS.

Để hiểu rõ hơn việc vận dụng các hình thức, phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá (thường xuyên) qua mỗi bài học, GV có thể tham khảo SGK Lịch sử và Địa lí 8 (bộ sách Cánh Diều), Nhà xuất bản Đại học Sư phạm (Hà Nội) ấn hành tháng 5 năm 2023.

Bảng 1. Mối quan hệ giữa hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
ĐGTX/ Đánh giá quá trình (Đánh giá vì học tập; Đánh giá là học tập)	Phương pháp hỏi – đáp	Câu hỏi, bảng hỏi
	Phương pháp quan sát	Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo, bảng kiểm, rubric
	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập	Bảng quan sát, câu hỏi vấn đáp, phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics,...)
	Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	Bảng kiểm, thang đánh giá, phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics,...)
	Phương pháp kiểm tra viết	KWLH, câu trả lời ngắn, thẻ kiểm tra,...
ĐGDG/ Đánh giá tổng kết (Đánh giá kết quả học tập)	<ul style="list-style-type: none"> – Phương pháp kiểm tra viết – Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập – Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập 	Bài kiểm tra (câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm), bài luận, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, thang đo

5. HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO HỖ TRỢ GIÁO VIÊN KHI DẠY HỌC

- Sách giáo viên *Lịch sử và Địa lí 8*.
- Video tiết dạy (bài 7) thể hiện việc tổ chức các hoạt động DH phát triển năng lực.
- Sách bài tập *Lịch sử và Địa lí 8*.
- Tập bản đồ, tranh ảnh và câu hỏi luyện tập, vở bài tập *Lịch sử 8*.
- Thiết bị dạy học bộ môn: Bộ Thiết bị dạy học Cánh Diều và hướng dẫn cách khai thác trong dạy học.
- Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử (SGK phiên bản điện tử, video minh họa tiết học, bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...).

Địa chỉ truy cập: <https://hoc10.vn/tu-sach/?block=2&grade=11&subject=45>

Địa chỉ truy cập và hệ thống học tài liệu tham khảo hỗ trợ GV trong quá trình dạy học

Phần B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY – BÀI SOẠN GIÁO ÁN

(THAM KHẢO)

1. CẤU TRÚC KẾ HOẠCH BÀI DẠY – BÀI SOẠN GIÁO ÁN

Để xây dựng kế hoạch bài dạy (thường gọi tắt là bài soạn giáo án), GV dựa vào định hướng trong khung kế hoạch bài dạy (Phụ lục IV của Công văn 5512 của Bộ GD – ĐT ban hành tháng 12/2020). Tuy nhiên, GV lưu ý đây chỉ là “khung kế hoạch” có tính chất “định hướng”, “gợi mở” cách thức xác định mục tiêu bài dạy, cách thức xây dựng mỗi hoạt động và cách thức tiến hành (thông qua 4 bước tổ chức) để phát triển năng lực và phẩm chất cho HS. GV không nên máy móc, rập khuôn trong việc “nhắc đi, nhắc lại” điệp khúc trong khung kế hoạch, dẫn đến thiếu tính “sáng tạo” trong xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy học.

Tùy vào đặc thù của mỗi môn học để GV bổ sung hoặc cụ thể hơn về cấu trúc bài dạy. Đối với việc dạy học lịch sử, GV xây dựng kế hoạch bài dạy theo cấu trúc sau đây:

Thứ nhất, xác định đúng tên chương, tiết học (theo phân phối chương trình) – tên bài học (tiết thứ – nếu bài học đó có nhiều tiết).

Thứ hai, xác định mục tiêu bài học cần hướng tới, bao gồm mục tiêu về năng lực (năng lực đặc thù – năng lực lịch sử), năng lực chung và phẩm chất.

Thứ ba, xác định các thiết bị dạy học và học liệu cần sử dụng trong dạy học. GV cần phân biệt thiết bị dạy học là các công cụ hỗ trợ như máy tính, máy chiếu,...; học liệu là “chất liệu” hỗ trợ cho việc học tập, gồm SGK, SGV, các loại tài liệu tham khảo,...

Thứ tư, xây dựng tiến trình dạy học theo chuỗi các hoạt động học tập, gồm: hoạt động khởi động/ mở đầu, hoạt động hình thành kiến thức mới, hoạt động luyện tập – thực hành và hoạt động vận dụng – mở rộng.

Thứ năm, xây dựng mục lục để tập hợp các cơ sở dữ liệu được nhắc tới và sử dụng trong bài dạy như phiếu học tập, tư liệu, hình ảnh minh họa (nhất là với những bài dạy sinh hoạt chuyên môn dưới hình thức nghiên cứu bài học),...

Kế hoạch bài dạy của GV là kịch bản đã chuẩn bị trước (ở nhà) cho tiết dạy trên lớp/ở nhà bảo tàng/di tích lịch sử - nơi diễn ra sự kiện, thể hiện sự sáng tạo, kết hợp giữa ý tưởng sư phạm với khoa học chuyên ngành (Sử học) và phương pháp dạy học của GV. Khi tổ chức các hoạt động dạy-học trên lớp, GV cũng cần linh hoạt, xử lý các tình huống sư phạm (có thể xảy ra ngoài kế hoạch dự kiến).

Về cách thức tổ chức hoạt động, GV có hai cách tiếp cận khi xây dựng và tổ chức hoạt động theo định hướng của Công văn 5512 (về Khung kế hoạch bài dạy):

Cách 1 (cấu trúc 1): Tên hoạt động □ Mục tiêu □ Nội dung □ Sản phẩm □ Tổ chức thực hiện (Chuyển giao nhiệm vụ; Thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo, thảo luận; Kết luận, nhận định).

Cách 2 (cấu trúc 2): Tên hoạt động □ Mục tiêu □ Tổ chức thực hiện (Chuyển giao nhiệm vụ - tức thực hiện nội dung công việc; Thực hiện nhiệm vụ - tức tạo ra sản phẩm; Báo cáo, thảo luận; Kết luận, nhận định).

Từ việc trình bày ở trên, nhóm tác giả đưa ra khuyến cáo: GV chỉ nên coi khung kế hoạch bài dạy trong Công văn 5512 mang tính chất “định hướng”, “gợi mở” cho cách thức xây dựng và tổ chức DH, tuyệt đối **không** “lệ thuộc” vào văn bản, sẽ làm mất đi sự sáng tạo của GV. Chính GV – người vững chắc về chuyên môn (khoa học cơ bản), am hiểu và làm chủ các phương pháp/ kỹ thuật dạy học và giỏi về kỹ năng – nghiệp vụ sư phạm mới quyết định hiệu quả bài dạy. ***Không chuẩn bị (kế hoạch bài dạy) là chuẩn bị cho thất bại.***

2. NỘI DUNG KỊCH BẢN – KẾ HOẠCH BÀI DẠY (Được tổ chức DH tại Nam Định)

Tiết 12. Bài 7. PHONG TRÀO TÂY SƠN THẾ KỶ XVIII (3 tiết)

(Tiết 1. Nguyên nhân bùng nổ và những thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong việc lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê)

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được các yêu cầu sau:

1. Kiến thức (*tiếp cận theo cấu trúc cách 1: ở đây là yêu cầu cần đạt về kiến thức*)

- Trình bày được những nét chính về nguyên nhân bùng nổ phong trào Tây Sơn.
- Mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn (lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê) và nêu được ý nghĩa của mỗi thắng lợi đó.
- Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn.

2. Năng lực (hướng tới)

– *Năng lực tìm hiểu lịch sử* thông qua việc khai thác thông tin, tư liệu và kênh hình để trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ phong trào Tây Sơn; mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn (lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê); nêu được ý nghĩa lịch sử của mỗi thắng lợi.

– *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng* thông qua việc khai thác các nguồn sử liệu để đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn và lịch sử dân tộc.

– *Năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua sưu tầm, khai thác thông tin, tư liệu và hình ảnh về phong trào Tây Sơn; làm việc nhóm để xây dựng và trình bày sản phẩm học tập; trao đổi và thảo luận nội dung bài học,...

3. Phẩm chất (hướng tới)

– Chăm chỉ và trung thực thông qua tự giác và tích cực tham gia các hoạt động để hoàn thành nhiệm vụ (sưu tầm tư liệu, hoàn thành nhiệm vụ cá nhân và nhóm,..); đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử dựa trên khai thác các nguồn sử liệu trung thực, khách quan.

– Yêu nước và trách nhiệm thông qua tìm hiểu lịch sử để biết thêm truyền thống của dân tộc (đoàn kết, yêu nước, chống áp bức,...); biết lưu giữ và phát huy khí节 của dân tộc, truyền thống uống nước nhớ nguồn (công lao của Nguyễn Huệ và các tướng lĩnh lập công lớn trong phong trào Tây Sơn).

– Có ý thức, trách nhiệm trong học tập để làm giàu tri thức bản thân, hoàn thành nhiệm vụ được giao; liên hệ và vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy tính và các thiết bị điện tử hỗ trợ để dạy học với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.

– SGK, SGV, phiếu học tập, video clip, phiếu ghi bài, các sơ đồ, hình ảnh và tư liệu liên quan đến phong trào Tây Sơn.

IV. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

– *Mục tiêu:* Tạo tâm thế, sự hứng thú trong tiết học; giúp HS xác định được nhiệm vụ học tập mới.

b) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: GV chiếu video clip ngắn (do GV chuẩn bị) có một số hình ảnh về Nguyễn Huệ và phong trào Tây Sơn (GV xây dựng), yêu cầu HS cả lớp chuẩn bị giấy nháp, bút, cùng theo dõi, quan sát và giao nhiệm vụ sau:

Nội dung: Đoạn clip nhắc tới sự kiện và nhân vật lịch sử nào? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các nhân vật cũng như sự kiện liên quan tới nhân vật đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS theo dõi clip, ghi chép câu trả lời ra giấy. GV quan sát và điều hành.

Sản phẩm: HS ghi chép được nhân vật Nguyễn Huệ - Quang Trung, một số hình ảnh về chiến thắng của phong trào Tây Sơn đánh đuổi quân Xiêm, quân Thanh xâm lược,...

Bước 3: Báo cáo, trao đổi/thảo luận. GV quan sát và chọn một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi sau khi xem xong clip; yêu cầu 1-2 HS khác bổ sung.

Bước 4: Kết luận. GV đưa ra kết luận như mục **sản phẩm** rồi dặt dặt vào bài học mới, chuyển giao nhiệm vụ tìm hiểu bài học mới cho HS. HS lắng nghe và ghi tên bài học...

2. Hình thành kiến thức mới

Ý tưởng sư phạm: Trong tiết học này, nhóm tác giả SGK hướng dẫn GV vận dụng mô hình lớp học đảo ngược, chuyển giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm (chuẩn bị trước hai tuần) để phát huy năng khiếu và rèn luyện kỹ năng thực hành. Kế hoạch bài dạy được xây dựng theo các chặng đường lịch sử/ bước phát triển của phong trào Tây Sơn để tạo không khí lịch sử sinh động.

– *Chặng 1 (Nhóm 1).* Vì sao phải thay đổi? (Mục I. Nguyên nhân bùng nổ).

– Chặng 2 (Nhóm 2, 3, 4). Những hành động và thắng lợi được đền đáp (Mục II. Những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: Lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê).

+ Nhóm 2: Lật đổ chúa Nguyễn.

+ Nhóm 3: Lật đổ chúa Trịnh.

+ Nhóm 4: Lật đổ chính quyền vua Lê.

– Chặng 3 (Các nhóm cùng tìm hiểu). Lịch sử vinh danh (Đánh giá về vai trò của Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn)

GV yêu cầu HS dựa vào SGK kết hợp với các nguồn tư liệu ngoài SGK để thiết kế sản phẩm học tập như poster, timeline, xây dựng bài trình bày trên giấy A0, làm phóng sự về phong trào Tây Sơn,... Để HS xây dựng sản phẩm theo đúng định hướng, GV phát phiếu tiêu chí đánh giá sản phẩm cho HS (theo mẫu):

Tên nhóm/ sản phẩm được đánh giá:

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm đạt
Nội dung sản phẩm	Đúng và đầy đủ theo từng vấn đề (nguyên nhân bùng nổ; những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn trong việc lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê).	5,0		
	Thông tin hay, hấp dẫn, có chọn lọc và có hệ thống, dễ hiểu; có liên hệ và mở rộng thông tin ngoài SGK.	1,0		
Thiết kế sản phẩm	Sử dụng công nghệ để sưu tầm, xử lý tư liệu; thiết kế hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình; trình bày sản phẩm đẹp, có tính có sáng tạo, độc đáo,...	2,0		
Báo cáo sản phẩm	Trình bày lưu loát, không lệ thuộc vào tài liệu; có điểm nhấn và tương tác với người nghe.	0,75		

Tiến trình tổ chức các hoạt động DH trên lớp qua các chặng đường lịch sử như sau:

2.1. Tìm hiểu về nguyên nhân bùng nổ

a) *Mục tiêu:* Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ phong trào Tây Sơn.

b) *Tổ chức thực hiện*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm/Kết quả cần đạt
<p>- <i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</i> GV nhắc lại nhiệm vụ của nhóm 1 (như trên), chuẩn bị trong hai tuần. Nhóm 1 thảo luận, lên ý tưởng, lập danh sách phân công nhiệm vụ, thực hiện kế hoạch và báo cáo tiến độ cho GV góp ý, sửa chữa.</p> <p>- GV yêu cầu HS khai thác thông tin, tư liệu, mục <i>Em có biết</i>, hình 7.1, lược đồ <i>Căn cứ địa của nghĩa quân Tây Sơn</i>, tư liệu về ba anh em “Tây Sơn tam kiệt” (do GV cung cấp) để trình bày theo gợi ý:</p> <p>+ Về chính trị:</p> <p>+ Về kinh tế:</p> <p>+ Về xã hội:</p> <p><input type="checkbox"/> Phong trào bùng nổ.</p> <p>- <i>Bước 4: Kết luận, nhận định:</i> Nhóm 1 báo cáo và các nhóm góp ý, trao đổi xong,</p>	<p>- <i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</i> Nhóm 1 tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận để thống nhất nội dung, cách thức giải quyết, phân công từng thành viên giải quyết công việc theo kế hoạch (chuẩn bị trước ở nhà).</p> <p>HS tìm hiểu SGK, kết hợp tư liệu, hình ảnh bên ngoài để xây dựng sản phẩm Poster, Infographic, Timeline,...; báo cáo tiến độ để được GV góp ý; chuẩn bị kế hoạch báo cáo sản phẩm trước lớp học.</p> <p>- <i>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</i> Nhóm 1 dán sản phẩm lên và báo cáo bằng kỹ thuật “5 xin” (xin chào, xin phép, xin góp ý, xin cảm ơn). Nhóm 2, 3 và 4 theo dõi, sau đó hội ý và nhận xét theo kỹ thuật 3-2-1 (dành cho đội bạn ba lời khen, hai</p>	<p>- Tiếp nhận nhiệm vụ và hiểu được những công việc cần phải giải quyết.</p> <p>- Thảo luận, thống nhất nội dung và tiến trình thực hiện; lập danh sách thành viên phân công nhiệm vụ và thực hiện kế hoạch của nhóm;</p> <p>- Xử lí được các nguồn tư liệu, xây dựng sản phẩm học tập như GV định hướng; báo cáo tiến độ thực hiện và sửa chữa sản phẩm đã được GV góp ý.</p> <p>- HS ghi kiến thức cơ bản:</p> <p>+ Chính trị: Chính quyền chúa Nguyễn suy yếu, khủng hoảng; quan lại, quý tộc mãi ăn chơi, hưởng thụ.</p> <p>+ Về kinh tế: Thuế khoá chồng chất, nặng nề; thiên</p>

<p>GV nhận xét, nêu vấn đề để HS phát biểu suy nghĩ: <i>Phong trào Tây Sơn bùng nổ có phù hợp với quy luật lịch sử dân tộc không?</i> HS trả lời xong, GV trình bày và kết luận, HS theo dõi và lĩnh hội kiến thức.</p>	<p>điều trao đổi để cải tiến và một câu hỏi liên quan đến nhiệm vụ của nhóm để trả lời).</p> <p>Nhóm 1 phản hồi các nhóm đã trao đổi (tiếp thu và trả lời câu hỏi các nhóm nêu ra).</p>	<p>tai, mất mùa, nạn đói thường xuyên.</p> <p>+ Về xã hội: Đời sống nhân dân cực khổ; mâu thuẫn giữa nông dân với chính quyền phong kiến rất gay gắt.</p> <p>+ Năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dựng cờ khởi nghĩa ở Tây Sơn.</p>
---	---	---

2.2. Tìm hiểu về những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê

2.2.1. Tìm hiểu về phong trào Tây Sơn

a) *Mục tiêu:* Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn trong việc lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê.

b) *Tổ chức thực hiện (ở đây tiếp cận theo cấu trúc cách 2, gộp lại cho gọn)*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm/Kết quả cần đạt
<p>- <i>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</i> GV nhắc lại nhiệm vụ của các nhóm 2, 3 và 4 (như trên), chuẩn bị trong hai tuần. Các nhóm thảo luận, lên ý tưởng, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, thực hiện kế hoạch và báo cáo tiến độ cho GV góp ý, sửa chữa.</p> <p>- GV hướng dẫn các nhóm khai thác mục <i>Góc</i></p>	<p>- <i>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</i> Nhóm 2, 3, 4 tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận để thống nhất ý tưởng, xác định nội dung, cách giải quyết vấn đề, xây dựng sản phẩm, phân công các thành viên giải quyết công việc theo kế hoạch (chuẩn bị trước ở nhà). Các nhóm 2, 3, 4 tìm hiểu SGK, kết hợp các</p>	<p>- Tiếp nhận nhiệm vụ và hiểu công việc giải quyết.</p> <p>- Thảo luận, thống nhất nội dung và tiến trình thực hiện; lập danh sách thành viên phân công nhiệm vụ và thực hiện theo kế hoạch của nhóm.</p> <p>- Xử lý được các nguồn tư liệu, xây dựng sản phẩm như GV định hướng; báo cáo tiến độ thực hiện và sửa</p>

<p><i>mở rộng</i> để thấy được chủ trương đúng đắn của phong trào Tây Sơn khi đưa ra khẩu hiệu tập hợp lực lượng; quan sát hình 7.2 kết hợp lược đồ Những thắng lợi lớn của phong trào Tây Sơn (do GV cung cấp) mô tả được những sự kiện quan trọng và thắng lợi tiêu biểu trong quá trình phát triển của phong trào Tây Sơn, xây dựng sản phẩm theo gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giai đoạn 1771 – 1777 + Giai đoạn 1777 – 1786 + Giai đoạn 1787 – 1788 <p><i>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</i> Các nhóm báo cáo sản phẩm và trao đổi, nhận xét xong, GV nêu vấn đề để đánh giá năng lực nhận thức và tư duy lịch sử của HS: Các khẩu hiệu của phong trào Tây Sơn đưa ra có phù hợp với bối cảnh lịch sử bấy giờ không? Vì sao? HS trả lời xong, GV trình bày và chốt lại kiến thức cơ bản.</p>	<p>tư liệu và hình ảnh bên ngoài để xây dựng các sản phẩm học tập tạo poster, infographic, timeline,...; báo cáo tiến độ để được GV góp ý; chuẩn bị kế hoạch báo cáo sản phẩm học tập trước lớp học.</p> <p><i>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</i> Nhóm 2, 3, 4 dán sản phẩm lên và lần lượt báo cáo trước GV và các nhóm, sử dụng kỹ thuật 5 xin (bám theo tiêu chí đánh giá). Các nhóm lắng nghe, sau đó hội ý và nhận xét theo kỹ thuật 3-2-1 (nhóm sau nhận xét không nhắc lại những nội dung nhóm trước đã góp ý). Nhóm 2, 3, 4 phản hồi những ý kiến đã được các nhóm nhận xét, trao đổi (tiếp thu và trả lời câu hỏi của các nhóm). Các nhóm “tham quan” các sản phẩm và đánh giá chéo nhau.</p>	<p>chữa sản phẩm đã được GV góp ý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS ghi kiến thức cơ bản: + Giai đoạn 1771 – 1774 (từ năm 1771 đến năm 1774): Chiếm phủ thành Quy Nhơn, từng bước kiểm soát từ Bình Thuận đến Quảng Nam. + Giai đoạn 1774 – 1777 (từ năm 1771 đến năm 1774): Thanh thế của quân Tây Sơn lớn mạnh, đã lật đổ được chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong, Nguyễn Ánh chạy thoát. + Giai đoạn 1777 – 1786: Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc lật đổ tập đoàn chúa Trịnh, sau đó giao chính quyền ở Đàng Ngoài cho vua Lê rồi trở về Nam. + Giai đoạn 1787 – 1788: Đàng Ngoài rối loạn, Vũ Văn Nhậm được cử ra Bắc dẹp loạn để ổn định nhưng không hiệu quả. Năm 1788, Nguyễn Huệ lại tiến ra Bắc. Chính quyền vua Lê sụp đổ. Lê Chiêu Thống bỏ chạy, cho người cầu viện nhà Thanh.
--	---	--

3. Luyện tập và vận dụng

a) Mục tiêu

– Mục tiêu luyện tập: Củng cố, hệ thống được những kiến thức đã học (trong tiết 1) về những chiến thắng tiêu biểu và ý nghĩa của mỗi chiến thắng trong phong trào Tây Sơn.

– Mục tiêu vận dụng: Thể hiện được vận dụng kiến thức đã học thông qua hành động cụ thể (nhận thức đúng và sâu sắc tư liệu); liên hệ kiến thức đã học với cuộc sống; hiểu được đạo lí, truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của nhân dân Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

– Luyện tập (Câu 1 trong SGK trang 34):

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân lập bảng thống kê thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn trong việc lật đổ chính quyền chúa Nguyễn (ở Đàng Trong), chính quyền chúa Trịnh và vua Lê (ở Đàng Ngoài) và cho biết ý nghĩa của mỗi chiến thắng đó. Nội dung yêu cầu như sau:

Nội dung: Lập bảng thống kê những thắng lợi tiêu biểu trong quá trình phát triển của phong trào Tây Sơn theo gợi ý: thời gian, tên chiến thắng và ý nghĩa lịch sử.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS theo dõi clip, ghi chép câu trả lời ra giấy. GV quan sát, tham vấn, hướng dẫn HS thực hiện theo định hướng (cách thức lập bảng thống kê).

Sản phẩm: HS lập được bảng thống kê, chia làm 3 cột (cột ghi mốc thời gian, cột ghi tên chiến thắng tiêu biểu từ năm 1771 đến năm 1788 và cột ý nghĩa lịch sử của mỗi chiến thắng trong quá trình phát triển của phong trào Tây Sơn).

Bước 3: Báo cáo, trao đổi/thảo luận. GV quan sát và chọn một vài HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi sau khi xem xong clip; yêu cầu 1-2 HS khác bổ sung.

Bước 4: Kết luận. GV đưa ra kết luận như mục **sản phẩm** rồi yêu cầu HS kiểm tra lại, chỉnh sửa – nếu bảng thống kê chưa đầy đủ. HS lắng nghe và hoàn thiện bảng thống kê.

– Vận dụng (kết hợp với câu 3 trong SGK trang 34):

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân (câu 1 thực hiện ở trên lớp) và theo nhóm (câu 2 thực hiện ở nhà), chia sẻ kết quả hoạt động trên Teams của lớp để các nhóm cùng tham khảo và được GV góp ý, đánh giá. Nội dung yêu cầu như sau:

Nội dung: 1) Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 dòng) nêu suy nghĩ về phong trào Tây Sơn (thực hiện trên lớp); 2) Tìm hiểu và giới thiệu những địa phương có đường

phố, trường học được đặt tên các tướng lĩnh trong phong trào Tây Sơn cho thầy cô và bạn học (thực hiện ở nhà).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (câu 1). GV quan sát, tham vấn, hướng dẫn HS thực hiện theo định hướng (câu 2 thực hiện ở nhà).

Sản phẩm: 1) Đoạn văn khoảng 10 dòng với nội dung chính: Do ba anh em Tây Sơn lãnh đạo, trong đó vai trò của Nguyễn Huệ là nổi bật nhất; phong trào Tây Sơn đã thực hiện được yêu cầu của lịch sử đặt ra như đoàn kết nhân dân chống áp bức, lần lượt lật đổ các chính quyền phong kiến, đặt cơ sở cho việc thống nhất đất nước,...; 2) Tư liệu, hình ảnh về những địa phương có đường phố, trường học được đặt tên các tướng lĩnh trong phong trào Tây Sơn (Trường THPT Quang Trung (Hà Nội), Trường THPT Nguyễn Huệ (Phú Yên), đường Nguyễn Huệ ở Thành phố Hồ Chí Minh, Trường THPT Bùi Thị Xuân (Thành Phố Hồ Chí Minh,...)). Việc đặt tên như vậy là để thể hiện lòng biết ơn đối với các vị anh hùng dân tộc.

Bước 3 và bước 4: Báo cáo và trao đổi/thảo luận; Kết luận và nhận định. GV quan sát, chọn 1-2 HS hoàn thành sản phẩm sớm nhất đứng tại chỗ trình bày nhanh kết quả của mình. GV nhận xét và ghi điểm (nếu kết quả tốt). Sau đó, GV yêu cầu cả lớp về nhà hoàn thiện cả 2 sản phẩm, gửi trên Teams và nộp lại trước buổi học tiếp theo để GV đánh giá (lấy điểm thường xuyên).

V. PHỤ LỤC (ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG TIẾT DẠY ĐỀ-MÔ)

1. Bảng phân công và nhận nhiệm vụ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH

TRƯỜNG THCS MỸ XÁ

BẢNG PHÂN CÔNG VÀ NHẬN NHIỆM VỤ

Tên bài học: Bài 7. Phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII (tiết 1)

Tên nhóm:

Số thành viên trong nhóm:

Stt	Họ và tên thành viên	Chức vụ	Nhiệm vụ nhận/được giao

....., ngày tháng năm

Nhóm trưởng

(Kí và ghi rõ họ tên)

2. Phiếu đánh giá sản phẩm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH
TRƯỜNG THCS MỸ XÁ

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM

Tên nhóm đánh giá:

Tên nhóm được đánh giá:

.....

Stt	Yêu cầu	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đạt
1	Nội dung	- Đúng và đủ theo vấn đề (nguyên nhân bùng nổ phong trào Tây Sơn; thắng lợi tiêu		

	(4,0 điểm)	biểu của phong trào Tây Sơn trong lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê), thông tin cơ bản, có minh chứng và phân tích rõ ràng,...	3,0 điểm	
		- Có liên hệ, mở rộng thông tin ngoài SGK	1,0 điểm	
2	Hình thức (2,0 điểm)	- Vận dụng linh hoạt các kỹ thuật như báo cáo “5 xin”, nhận xét 3-2-1, phản hồi tích cực,...	1.0 điểm	
		- Hình thức báo cáo độc đáo, sáng tạo	1,0 điểm	
3	Báo cáo sản phẩm (3,0 điểm)	- Trình bày lưu loát, không lệ thuộc tài liệu	1,0 điểm	
		- Có điểm nhấn	1,0 điểm	
		- Có tương tác với mọi người	1,0 điểm	
4	Khác (1.0 điểm)	- Nhóm làm việc ăn ý, hiệu quả	0,5 điểm	
		- Giải quyết tình huống, câu hỏi linh hoạt, chính xác,...	0.5 điểm	
Tổng			10,0 điểm	

....., ngày tháng năm

Nhóm trưởng

(Kí và ghi rõ họ tên)

3. Phiếu đánh giá thành viên trong nhóm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH
TRƯỜNG THCS MỸ XÁ

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THÀNH VIÊN TRONG NHÓM

Họ và tên Trưởng nhóm:.....; Tên nhóm:.....

Nội dung bài học: Bài 7. Phong trào Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đạt
1- Tích cực và chủ động nhận nhiệm vụ được giao	25	
2- Tham gia đóng góp ý kiến, hỗ trợ cho các bạn trong nhóm	25	
3- Tinh thần đoàn kết, làm việc nhóm, hoàn thành sản phẩm đúng hạn	25	
4- Đóng góp về ý tưởng, sáng tạo, có khả năng điều hành khi làm việc	25	
Tổng	100	

4. Phiếu ghi bài trên lớp




Chặng 1. Vì sao phải thay đổi?
(Nguyên nhân bùng nổ)

Chính trị:
.....

Kinh tế:
.....

Xã hội:
.....

➔

PHIẾU GHI BÀI

Chặng 2. Những hành động và thắng lợi được đền đáp
(Lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê)

Lật đổ chúa Nguyễn	Lật đổ chúa Trịnh	Lật đổ vua Lê

Chặng 3. Lịch sử vinh danh
(Đánh giá về vai trò của Nguyễn Huệ)

.....

5. Phần trình bày bảng của giáo viên



6. Các sản phẩm học tập của học sinh được chuẩn bị theo kế hoạch bài dạy (Infographic, Timeline, Poster,...), sau khi được GV góp ý, sửa chữa

6.1. Sản phẩm chuẩn bị của nhóm 1

NHÓM 1

VÌ SAO PHẢI THAY ĐỔI?

Sử cũ ghi: Ở Đông Ngạc, chúa Trịnh Sâm say mê Đặng Thị Hoá, bỏ con trưởng lập con thứ con nhỏ tuổi làm Thái tử, gây nên mâu thuẫn giữa các phe cánh trong chính quyền. Ở Đông Trạng, chúa Phúc Thuận bị bệnh, Trương Phúc Loan nắm hết quyền hành, tự xưng là Quốc phó, khắt tiếng tham nhũng, khắp nơi nhân dân đều oán hận....

"Kính chào Nguyễn Khẩu chết, Trương Phúc Loan ốm mưu đồ lật chúa, tập con út là Phúc Thuận lên thay. Phúc Thuận suốt ngày, thích chơi bời mua bán, có bệnh... chuyên dùng Trương Phúc Loan, tôn làm Quốc phó. Phúc Loan bán quan, buôn ngựa, dựa vào hình phạt và thế mà nặng nề... Người họ Nguyễn đến con mà không dám noi"
(L.S Quý Đôn. Phủ biên tạp lục. Nhà Văn hoá - Thông tin, 2007. Hà Nội, tr:87)

"Bấy giờ Trương Phúc Loan cầm quyền, chính trị tư chuyên... Loan bán quan, buôn thuốc, ăn tiền theo tội, hình phạt phải nhiều, thế mà nặng nề, nhân dân đều lấy làm khổ. Trong khoảng 4 - 5 năm, tại học kiện ra luận, sống chết, mua bán, sao sao, thuế đá, trốn họ đổi họ, tậu cướp tư tưng"
(Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 1, NxbGD, 2002, Hà Nội, tr:173)

Tư liệu "Vì sao phải thay đổi"

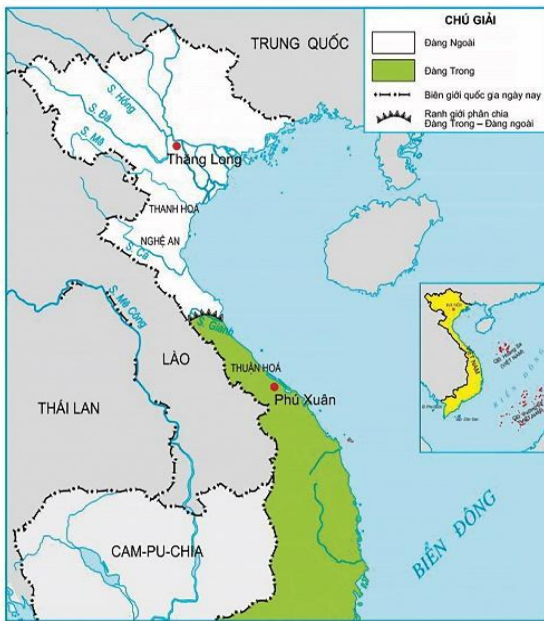
Từ thời chúa Nguyễn Phúc Khoát đã gây những ảnh hưởng tiêu cực cho dân chúng. Hệ thống thuế khóa phức tạp, công kênh, nặng nề, quan dưới làm thu khiến dân phải nộp nhiều hơn quy định. Thuế thổ sản có tới hàng ngàn thứ, tính cả những sản vật nhỏ nhặt. Năm 1741, Nguyễn Phúc Khoát ra lệnh truy thu thuế của cả những người bỏ trốn. Tới năm 1765 lại có lệnh truy thu thuế còn thiếu của 10 năm trước



Hình ảnh thơ phúng của người dân xứ Đàng Trong (tranh vẽ của họa sĩ người Anh đương thời Uy-li-am A-lếch-san-đơ)

Đo bị quan lại áp bức, thuế khóa chồng chất, công việc thiên tai và mất mùa thường xuyên nên nạn đói diễn ra thường xuyên. Người dân phải bỏ làng quê đi ăn xin... Giáo sĩ phương Tây La-Bác-tét mô tả: Thuận Hóa năm 1774 đói lớn, "gạo đất như vàng", cảnh chết đói đầy đường, "xác chết chồng lên nhau",...

Tình hình kinh tế, xã hội Đàng Trong



Lược đồ Đại Việt thời Trịnh - Nguyễn



Hệ thống Lũy Thầy ở Quảng Bình trên bản đồ



Võ Thắng Quan - cửa quan của lũy Đâu Mâu (Cổng Thượng)



Dấu tích Quảng Bình Quan trên Quốc lộ 1A (cổng hạ Lũy Thầy)

Năm 1631, Đào Duy Từ cho khởi công đào đắp hệ thống Lũy Thầy và hoàn thành sau 3 năm, nối từ Đâu Mâu (xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh) đến cửa biển Nhật Lệ (Đông Hồi). Lũy Thầy có tổng chiều dài 34 km, cao 3 - 12m tùy theo địa hình, ý định sử dụng. Bề mặt đỉnh Lũy Thầy rộng rãi để dễ dàng đi lại. Cứ mỗi đoạn 40 thước thì xây một pháo đài, đặt súng Thần công án ngữ.

Đây là tuyến phòng thủ quân sự hiểm yếu của chúa Nguyễn, là dấu vết về nỗi đau của sự chia cắt đất nước trong nhiều thế kỉ. Trong dân gian vẫn lưu truyền câu ca:

"Không ngon qua được Thành Hà
Đầu răng có cánh khó qua Lũy Thầy"

Lịch sử ghi nhận Lũy Thầy là tuyến phòng thủ kiên cố. Năm 1633, Trịnh Tráng khởi binh đánh chúa Nguyễn phải dừng bước ở cửa sông Nhật Lệ. Năm 1648, quân Trịnh tấn công nhưng thất bại, mất 3 tướng và 3.000 quân bị bắt làm tù binh.

Hình 4. Tư liệu về Lũy Thầy

“TÂY SƠN TAM KIỆT”

Bạn có biết? “Tây Sơn tam kiệt” là tên gọi dành cho ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ. Theo sử cũ, tổ tiên nhà Tây Sơn vốn có gốc là họ Hồ (sách “*Hoàng Lê nhất thống chí*” cho rằng nhà Tây Sơn thuộc dòng dõi Hồ Quý Ly) ở làng Hương Cái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Quê quán của ba anh em ở dưới chân hòn Thái Sơn - một hòn núi nhỏ bên cạnh hòn Đại Hải, một danh sơn thuộc tỉnh Nghệ An.

Cuốn “*Những khám phá về Hoàng đế Quang Trung*” của PGS.TS Đỗ Bang cho biết: Đến đời ông Hồ Phi Phúc là thân phụ của anh em Tây Sơn vẫn là họ Hồ. Vậy tại sao ba anh em đều mang họ Nguyễn? Theo người dân Bình Định, bây giờ người dân sinh con lấy theo họ mẹ (thân mẫu của ba anh em Tây là Nguyễn Thị Đổng).



Cụm tượng ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ tại Bảo tàng Quang Trung (tỉnh Bình Định)



Tư liệu về “Tây Sơn tam kiệt”

Lược đồ căn cứ Tây Sơn

6.2. Sản phẩm chuẩn bị của nhóm 2 và nhóm 3

Bản đồ cổ phủ thành Quy Nhon thế kỉ XVIII

➤ Cuốn *Khâm Định Việt sử thông giám Cương mục* (quyển 44, Quốc sử Quán triều Nguyễn) ghi sự kiện năm 1773 quân Tây Sơn đánh chiếm thành Quy Nhon như sau:

“*Văn Nhạc là người nhiều cơ mưu trí tuệ. Một hôm, tự ngồi vào trong cũ, rồi sai đồ đảng luân chuyển báo đi rằng: Bất được Văn Nhạc đem giũa nộp trận doanh. Viên tướng giữ trấn không ngờ là sự tự tử, bèn mở cửa doanh thu nhận. Đêm ấy, đồ đảng của Nhạc lên đến ngoài thành, Nhạc liền phá cửa mà ra, mở toang cửa thành, đẩy doanh trại, giết tướng giữ trấn, chiếm cứ thành Quy Nhon”.*

Hình 7. Bản đồ thành Quy Nhon

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÁO TÂY SƠN: LẬT ĐỔ CHƯA NGUYỄN

1773-1774

Chiến dịch giành quyền lực ở Quy Nhon, Bình Định, Quảng Ngãi.

NĂM 1771

Đem quân của Paganhien Phung, Paganhien Huê, Paganhien Lữ đập cửa cửa hàng trong Tây Sơn Thượng đạo, lập quy mô quân đội ở Quy Nhon.

NĂM 1777

Quân Tây Sơn lật đổ chính quyền chúa Nguyễn ở Quảng Ngãi.

NĂM 1784

Đem quân của Văn Nhạc, Paganhien Anh mang quân về Quy Nhon để đánh chúa Nguyễn.

NHÓM 2

Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn



Các tướng lĩnh tiêu biểu của phong trào Tây Sơn



Một số nhân vật lịch sử phân diện



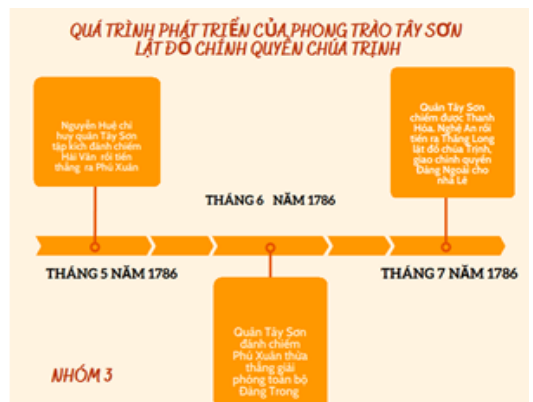
Lược đồ trận Rạch Gầm - Xoài Mút



Thuyền chiến của Tây Sơn (mô hình)

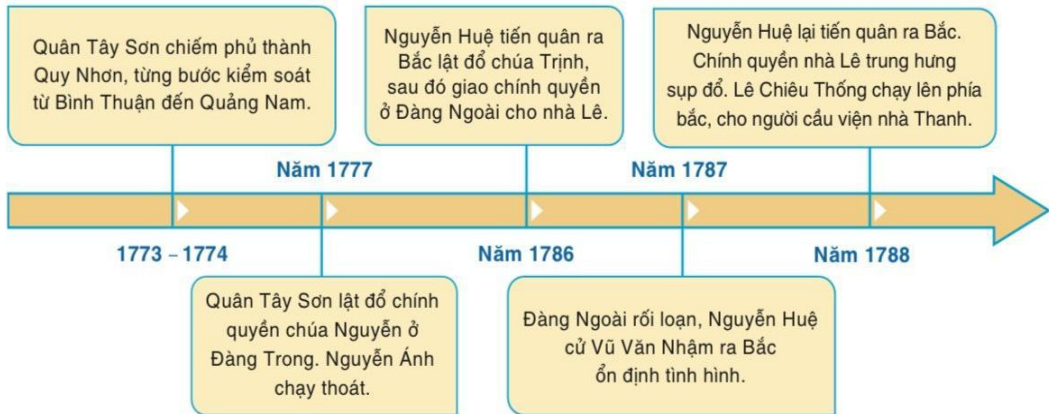


Thành Quy Nhơn (mô hình)



Lật đổ chính quyền chúa Trịnh

6.3. Sản phẩm chuẩn bị của nhóm 4 (có sự phối hợp với nhóm 3)



Các sự kiện tiêu biểu trong quá trình phát triển của phong trào Tây Sơn



Lược đồ những thắng lợi lớn của phong trào Tây Sơn (1771 – 1789)



Trượng đài Quang Trung (Núi Bân, Huế)

Lật đổ chính quyền Lê trung hưng



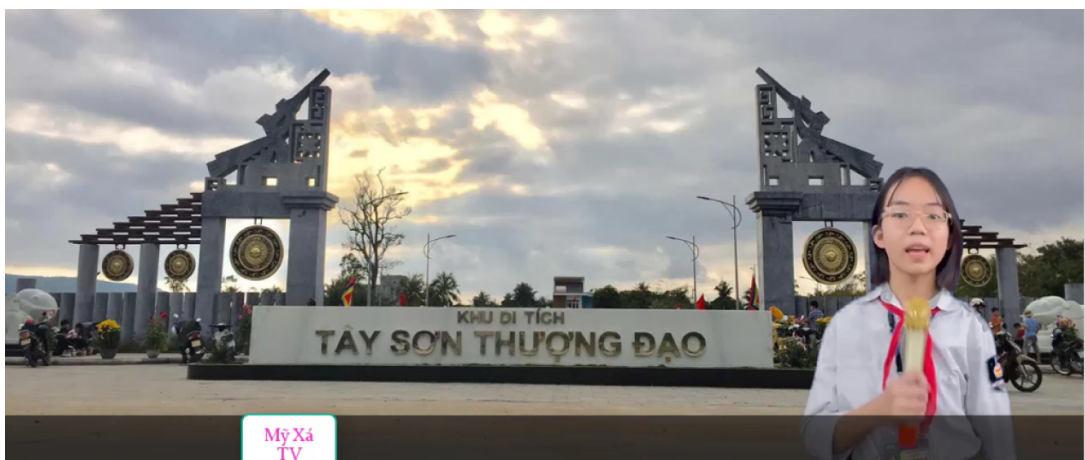
Hình 18. Xuất quân ra Bắc đại phá quân Thanh xâm lược



Ảnh giả vương Quang Trung (Phạm Công Trĩ) – vua Quang Trung giả, do vua Càn Long (nhà Thanh) sai vẽ năm 1790; bộ quân phục cũng do vua nhà Thanh ban tặng

(Ảnh lấy trong tập Mãn Châu cổ họa, đăng trên Tạp chí Đông Thành, số 1, 1932)

Làm phóng sự về Khu di tích Tây Sơn thượng đạo



Mỹ Xá TV

Phần C. XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ (THAM KHẢO)

1. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BẢN ĐẶC TẢ VÀ KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

1.1. Khái niệm bản đặc tả

Bản đặc tả đề kiểm tra (trong tiếng Anh gọi là *test specification* hay *test blueprint*) là một bản mô tả chi tiết, có vai trò như một hướng dẫn để viết một đề kiểm tra hoàn chỉnh. Bản đặc tả đề kiểm tra cung cấp thông tin về cấu trúc đề kiểm tra, hình thức câu hỏi, số lượng câu hỏi ở mỗi loại, và phân bố câu hỏi trên mỗi mục tiêu đánh giá.

Bản đặc tả đề kiểm tra giúp nâng cao độ giá trị của hoạt động đánh giá và xây dựng đề kiểm tra, đánh giá đúng những mục tiêu dạy học dự định được đánh giá. Nó cũng giúp đảm bảo sự đồng nhất giữa các đề kiểm tra dùng để phục vụ cùng một mục đích đánh giá. Bên cạnh lợi ích đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá, bản đặc tả đề kiểm tra có tác dụng giúp cho *hoạt động học tập trở nên rõ ràng, có mục đích, có tổ chức và có thể kiểm soát được*. Người học có thể sử dụng để *chủ động đánh giá việc học và tự chấm điểm sản phẩm học tập của mình*. Còn người dạy có thể áp dụng để *triển khai hướng dẫn các nhiệm vụ, kiểm tra và đánh giá*. Bên cạnh đó, nó cũng giúp các nhà quản lý giáo dục kiểm soát chất lượng giáo dục của đơn vị mình.

1.2. Cấu trúc bản đặc tả đề kiểm tra

Một bản đặc tả đề kiểm tra cần chỉ rõ mục đích của bài kiểm tra, những mục tiêu dạy học mà bài kiểm tra sẽ đánh giá, ma trận phân bố câu hỏi theo nội dung dạy học và mục tiêu dạy học, cụ thể như sau:

(i) *Mục đích của đề kiểm tra*: Phần này cần trình bày rõ đề kiểm tra sẽ được sử dụng phục vụ mục đích gì. Các mục đích sử dụng của đề kiểm tra *có thể* bao gồm (1 hoặc nhiều hơn 1 mục đích):

- Cung cấp thông tin mô tả trình độ, năng lực của người học tại thời điểm đánh giá.
- Dự đoán sự phát triển, sự thành công của người học trong tương lai.
- Nhận biết sự khác biệt giữa các người học.
- Đánh giá việc thực hiện mục tiêu giáo dục, dạy học.
- Đánh giá kết quả học tập (hay việc làm chủ kiến thức, kỹ năng) của người học so với mục tiêu giáo dục, dạy học đề ra.
- Chẩn đoán điểm mạnh, điểm tồn tại của người học để có hoạt động giáo dục, dạy học phù hợp.

– Đánh giá trình độ, năng lực của người học tại thời điểm bắt đầu và kết thúc một khóa học để đo lường sự tiến bộ của người học hay hiệu quả của khóa học.

(ii) *Hệ mục tiêu dạy học/tiêu chí đánh giá:* Phần này trình bày chi tiết mục tiêu dạy học: những kiến thức và năng lực mà người học cần chiếm lĩnh và sẽ được yêu cầu thể hiện thông qua bài kiểm tra. Những tiêu chí để xác định các cấp độ đạt được của người học đối với từng mục tiêu dạy học. Có thể sử dụng các thang năng lực để xác định mục tiêu dạy học/tiêu chí đánh giá, chẳng hạn thang năng lực nhận thức của Bloom...

(iii) *Bảng đặc tả đề kiểm tra:* Bảng đặc tả đề kiểm tra là một bảng có cấu trúc hai chiều, với một chiều là các chương/chủ đề nội dung kiến thức và một chiều là các cấp độ năng lực mà người học sẽ được đánh giá thông qua đề kiểm tra. Với mỗi chương/chủ đề nội dung kiến thức, tại một cấp độ năng lực, căn cứ mục tiêu dạy học, người dạy đưa ra một tỷ trọng cho phù hợp (xem ví dụ dưới).

(iv). *Cấu trúc đề kiểm tra:* Phần này mô tả chi tiết các hình thức câu hỏi sẽ sử dụng trong đề kiểm tra; phân bố thời gian và điểm số cho từng câu hỏi.

1.3. Khung ma trận, mô tả và bản đặc tả đề kiểm tra giữa kì/cuối kì

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ/CUỐI KÌ MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8

T T	Chương g/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổ g % điể m	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNK Q	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL		
1	Chủ đề A (.....%)	Nội dung 1:										
		Nội dung 2:										
		Nội dung n:										
2	Chủ đề B (.....%)											

3	Chủ đề n (.....%)									
Tổng										
Tỉ lệ %		40%	30%	20%	10%			100		
Tỉ lệ chung		70%		30%				100		

Lưu ý: 1) Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung đã học giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết bằng câu hỏi TNKQ; Việc kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS thực hiện theo định hướng, sự chỉ đạo của Bộ GD – ĐT về hướng dẫn dạy học và kiểm tra đánh giá tại Công văn 2613 và CV 1496. Đó là:

– *Về tổ chức dạy - học:* Dạy học đồng thời hai phân môn – Lịch sử và Địa lí tương đương nhau trong từng học kì (dạy số tiết bằng nhau, song song nhau 1,5 tiết/học kì).

– *Về kiểm tra, đánh giá:* Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học theo từng phân môn. Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng bao gồm nội dung phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí theo tỉ lệ phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học của mỗi phân môn đến thời điểm kiểm tra, đánh giá.

– Với câu hỏi mức độ nhận biết thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ mô tả cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

– Các câu hỏi ở mức độ nhận biết nên kiểm tra bằng dạng câu hỏi TNKQ; các mức độ khác kiểm tra bằng dạng câu hỏi tự luận.

– Với nhiều nội dung ở cùng 01 mức độ nhận thức, lựa chọn nội dung kiểm tra bằng cách chọn dấu * cho trường hợp (hoặc).

– Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết.

– Nếu chủ đề nào không có vận dụng và vận dụng cao: các địa phương có thể nâng mức độ đánh giá yêu cầu cần đạt lên.

KHUNG BẢN MÔ TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (GIỮA KÌ/CUỐI KÌ)

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8

T T	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Chủ đề A	Nội dung 1:	Nhận biết Thông hiểu Vận dụng Vận dụng cao				
		Nội dung 2:	Nhận biết Thông hiểu Vận dụng Vận dụng cao				
		Nội dung 3:	Nhận biết Thông hiểu Vận dụng Vận dụng cao				
		Nội dung n:					
2	Chủ đề B						
3	Chủ đề n						
Tổng			4 mức độ	10 câu TNK Q	1 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tỉ lệ (%)			100	40	30	20	10

VÍ DỤ BẢN ĐẠC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (GIỮA HỌC KÌ I) LỚP 8 – PHẦN LỊCH SỬ

TT	Nội dung kiến thức	Nội dung/ Đơn vị KT	Mức độ của yêu cầu cần đạt
		<i>1. Cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ</i>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII. – Nêu được một số đặc điểm chính của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở Anh, Mỹ, Pháp;

1	Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII		<p>Thông hiểu</p> <p>– Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của cách mạng tư sản.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p>
		2. Cách mạng công nghiệp	<p>Nhận biết</p> <p>Nêu được những tác động quan trọng của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p>
2	Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX	Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX	<p>Nhận biết</p> <p>Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Trình bày được những nét chính trong quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á.</p> <p>– Mô tả được những nét chính về cuộc đấu tranh của các nước Đông Nam Á chống lại ách đô hộ của thực dân phương Tây.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p>
3	Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	1. Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn	<p>Nhận biết</p> <p>– Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc.</p> <p>– Nêu được hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc xung đột</p>

			<p>Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p>
		<p>2. <i>Quá trình khai phá của Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII</i></p>	<p>Nhận biết</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Trình bày được khái quát về quá trình khai phá của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.</p> <p>– Mô tả quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>Rút ra được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn</p>
		<p>3. <i>Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII</i></p>	<p>Nhận biết</p> <p>– Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII;</p> <p>– Nêu được tác động của khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVII.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p>
		<p>4. <i>Phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII</i></p>	<p>Nhận biết</p> <p>Nêu được ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ phong trào Tây Sơn.</p>

		<p>– Mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê, đánh bại quân Xiêm và quân Thanh xâm lược.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII đối với lịch sử dân tộc.</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>Rút ra được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn.</p>
--	--	---

2. MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ (THAM KHẢO)

2.1. Ma trận đề kiểm tra giữa kì I (phần Lịch sử 8)

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổ g % điể m
			Nhận biết		Thông hiểu		VD		VDC		
			TN K Q	TL	TN K Q	TL	TN K Q	TL	TN K Q	TL	
1	Chương 1: Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	- <i>Cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ.</i> - <i>Cách mạng công nghiệp.</i>	3		1	1					
2	Chương 2: Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến TK XIX	<i>Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX</i>	1		1						

3	Chương 3: Việt Nam từ đầu TK XVI đến thế kỉ XVIII	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.</i> - <i>Quá trình khai phá của Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII.</i> - <i>Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài TK XVIII.</i> - <i>Phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII</i> 	4	2	1	1						
			Tổng									
			Tỉ lệ %		40%	30%	20%	10%	100			
			Tỉ lệ chung		70%		30%		100			

Lưu ý: 1) Nhóm tác giả dự kiến xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá định kì là giữa học kì I (ở đây là kiến thức dành riêng cho phân môn Lịch sử); 2) Theo chương trình, trong yêu cầu cần đạt của các chủ đề trên không có vận dụng cao, GV nâng mức độ vận dụng cao ở nội dung “Quá trình khai phá của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII”.

2.2. Bản mô tả đề kiểm tra giữa kì I (phần Lịch sử 8)

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				N B	T H	VD	VD C
1	Chương 1: Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	<ul style="list-style-type: none"> * <i>Cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ</i> - Nguyên nhân bùng nổ - Giai cấp lãnh đạo - Hình thức cách mạng 	<p>Nhận biết</p> <p>Nêu được nguyên nhân bùng nổ, giai cấp lãnh đạo và hình thức của cách mạng tư sản.</p>	3			
			<p>Thông hiểu</p> <p>Trình bày được tính chất của cách mạng tư sản</p> <p>Vận dụng</p>		1		
		<ul style="list-style-type: none"> - Tính chất cách mạng 					

			Vận dụng cao				
		<p><i>* CM công nghiệp</i></p> <p>Những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp</p>	<p>Nhận biết</p> <p>Thông hiểu</p> <p>Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p>		1		
2	<p>Chương 2: DNA từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX</p>	<p><i>* Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX</i></p> <p>- Tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước DNA dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây.</p> <p>- Quá trình xâm nhập Đông Nam Á của thực dân phương Tây.</p>	<p>Nhận biết</p> <p>Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>Trình bày được tác động của quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p>	1	1		
3	<p>Chương 3: Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII</p>	<p><i>* Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.</i></p> <p>- Sự ra đời của Vương triều Mạc.</p> <p>- Nguyên nhân xung đột Nam – Bắc triều</p> <p>- Hệ quả cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn.</p>	<p>Nhận biết</p> <p>- Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc.</p> <p>- Nêu được nguyên nhân xung đột Nam – Bắc triều.</p> <p>- Nêu được hệ quả cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p>	3			

	<p><i>* Quá trình khai phá của Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII.</i></p> <p>Quá trình xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn</p>	<p>Nhận biết</p> <p>Thông hiểu</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>Rút ra được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn.</p>				1
	<p><i>* Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.</i></p> <p>Bối cảnh lịch sử</p>	<p>Nhận biết</p> <p>Nêu được nét chính về bối cảnh lịch sử của khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII</p> <p>Thông hiểu</p> <p>Vận dụng</p> <p>Vận dụng cao</p>	1			
	<p><i>* Phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII</i></p> <p>- Những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn</p> <p>- Vai trò của Quang Trung – Nguyễn Huệ</p>	<p>Nhận biết</p> <p>Thông hiểu</p> <p>Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn.</p> <p>Vận dụng</p> <p>Đánh giá được vai trò của Quang Trung - Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn và đối với lịch sử dân tộc.</p> <p>Vận dụng cao</p>		2		1
		Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn.				
	Tổng	4 mức độ	10 câu u TN	1 câu u TL	1 câu TL	1 câu TL

		K Q			
Tỉ lệ (%)	100	40	30	20	10

2.3. Đề kiểm tra giữa học kì I môn Lịch sử và Địa lí 8 (phần Lịch sử 8)

2.3.1. Mục tiêu

* Kiến thức

- Nêu và trình bày được những nét chính về các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ (nguyên nhân bùng nổ, giai cấp lãnh đạo, hình thức và tính chất cách mạng).
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp.
- Nêu và trình bày được những nét chính của khu vực Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX.
- Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc và hệ quả cuộc xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.
- Trình bày và rút ra được ý nghĩa của trình xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn.
- Nêu được bối cảnh lịch sử của khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.
- Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn; đánh giá được vai trò của Quang Trung – Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn và lịch sử dân tộc.

* Năng lực

- Nhận thức và tư duy lịch sử đúng đắn thông qua lựa chọn phương án trả lời và trình bày vấn đề lịch sử theo cách hiểu của mình.
- Phân tích, nhận xét, đánh giá được sự kiện, nhân vật lịch sử và liên hệ với thực tiễn.

* Phẩm chất

- Trung thực: có ý thức tự giác trong quá trình làm bài kiểm tra.
- Chăm chỉ: phát huy hết khả năng của mình.

2.3.2. Hình thức kiểm tra

Kết hợp giữa làm câu hỏi trắc nghiệm với câu hỏi tự luận

2.3.3. Ma trận đề kiểm tra

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			NB	TH	VD	VDC	

			TN K Q	TL	TN K Q	TL	TN K Q	TL	TN K Q	TL	
1	Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	- Cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ. - Cách mạng công nghiệp.	3		1	1					30%
2	ĐNA từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX	Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX	1		1						10%
3	Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	- Xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. - Quá trình khai phá của Đại Việt trong các TK XVI-XVIII. - Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. - Phong trào Tây Sơn thế kỉ XVIII	4		2			1		1	60%
Tổng			8		4	1		1		1	
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100
Tỉ lệ chung			70%			30%			100		

2.3.4. Xây dựng đề kiểm tra

A. TRẮC NGHIỆM (6.0 điểm)

Lựa chọn một phương án trả lời đúng trong các phương án sau đây:

Câu 1: Lãnh đạo cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ là

- A. giai cấp nông dân và các binh lính da màu.
- B. sự liên minh giữa giai cấp tư sản và chủ nô.
- C. tầng lớp tiểu tư sản và bộ phận quý tộc mới.
- D. giai cấp tư sản, đứng đầu là Ô-li-vơ Crôm-oen.

Câu 2: Sự kiện nào sau đây châm ngòi cho cuộc Cách mạng tư sản Pháp bùng nổ?

- A. Thông qua bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*.
- B. Phái Gi-rông-đanh xử tử vua Lu-i XVI vì tội phản quốc.
- C. Vua Lu-i XVI triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp để tăng thuế.
- D. Quân chúng nhân dân tấn công pháo đài – ngục Ba-xi.

Câu 3: Nội dung nào sau đây phản ánh tính chất điển hình của Cách mạng tư sản Pháp?

- A. Nguyên nhân bùng nổ của cuộc cách mạng.
- B. Thời gian bùng nổ và hình thức cách mạng.
- C. Mục tiêu và thời gian diễn ra cách mạng.
- D. Mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả thực hiện.

Câu 4: Cuộc Cách mạng tư sản Anh diễn ra dưới hình thức nào sau đây?

- A. Nội chiến.
- B. Giải phóng dân tộc.
- C. Cải cách, duy tân.
- D. Nội chiến và chống xâm lược.

Câu 5: Một trong những chính sách xâm nhập của các nước tư bản phương Tây vào khu vực Đông Nam Á trong các thế kỉ XVI – XIX là sử dụng các giáo sĩ để

- A. truyền bá Hin-đu giáo.
- B. tuyên truyền vai trò của Nho giáo.
- C. truyền bá Thiên chúa giáo.
- D. cai trị những nước theo Phật giáo.

Câu 6: Sự xâm nhập của các nước tư bản phương Tây vào khu vực Đông Nam Á trong các thế kỉ XVI – XIX đã dẫn đến tác động nào sau đây?

- A. Nhiều nước đã bị mất độc lập.
- B. Chấm dứt nền quân chủ ở các nước.
- C. Xóa bỏ ảnh hưởng của Nho giáo.
- D. Mở đầu cho phát kiến địa lí ở châu Á.

Câu 7: Vương triều Mạc được thành lập trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Quân Mông Cổ đang kéo sang xâm lược Đại Việt.
- B. Nhà Lê sơ rơi vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu.
- C. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều đang diễn ra gay gắt.
- D. Quốc gia Đại Việt vẫn ổn định và phát triển mạnh mẽ.

Câu 8: Cuộc xung đột Nam – Bắc triều bùng nổ do nguyên nhân cơ bản nào sau đây?

- A. Vương triều Mạc không tổ chức thi tuyển chọn nhân tài.
- B. Nhà Mạc muốn mở rộng phạm vi ảnh hưởng ra phía Bắc.
- C. Nhân dân cả nước ủng hộ chúa Trịnh “phù Lê diệt Mạc”.
- D. Mâu thuẫn gay gắt giữa nhà Mạc và nhà Lê trung hưng.

Câu 9: Cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn ở Đại Việt dẫn đến hệ quả tiêu cực nào sau đây?

- A. Kinh tế thủ công – thương nghiệp phát triển mạnh mẽ.
- B. Nông dân được đẩy mạnh khai phá ruộng đất bỏ hoang.
- C. Đất nước bị chia cắt thành Đàng Trong – Đàng Ngoài.
- D. Mở đầu quá trình giao lưu văn hóa giữa các địa phương.

Câu 10: Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân làm bùng nổ của các cuộc khởi nghĩa của nông dân ở Đàng Ngoài (thế kỉ XVIII)?

- A. Vua Lê cầu cứu nhà Thanh sang lật đổ chúa Trịnh.
- B. Chính quyền ở Đàng Ngoài đã suy yếu trầm trọng.
- C. Phong trào Tây Sơn ở Đàng Trong cổ vũ mạnh mẽ.
- D. Giai cấp tư sản phát động nông dân lật đổ chúa Trịnh.

Câu 11. Từ năm 1771 đến năm 1789, phong trào Tây Sơn đã giành được những thắng lợi tiêu biểu và có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Lật đổ được chính quyền phong kiến ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, đánh tan quân xâm lược Mông – Nguyên.
- B. Xóa bỏ được chính quyền của chúa Nguyễn, đại phá quân Mông – Nguyên và lật đổ chính quyền họ Trịnh.
- C. Lật đổ được chính quyền chúa Nguyễn, vua Lê - chúa Trịnh, đánh đuổi quân Xiêm và đại phá quân Thanh.
- D. Đánh đuổi được quân Minh và quân Xiêm, đại phá quân Thanh, xóa bỏ chế độ phong kiến vua Lê – chúa Trịnh.

Câu 12: Nội dung nào sau đây **không** phải là thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn?

- A. Đại phá quân Minh xâm lược.
- B. Lật đổ chính quyền chúa Trịnh.
- C. Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn.
- D. Đại phá quân Xiêm và quân Thanh.

B. TỰ LUẬN (4.0 điểm)

Câu 1 (1.0 điểm): Trình bày những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp (thế kỉ XVIII – XIX).

Câu 2 (2.0 điểm): Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn và lịch sử dân tộc.

Câu 3 (1.0 điểm): Việc chính quyền chúa Nguyễn tổ chức các hoạt động ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa (thông qua đội Hoàng Sa và Bắc Hải) trong thế kỉ XVII – XVIII có ý nghĩa như thế nào?

3. ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM

2.1. Trắc nghiệm (6.0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	D	A	C	A	B	D	C	B	C	A

2.2. Tự luận (4.0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	Trình bày những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh (thế kỉ XVIII – XIX).	1.00
	– Năm 1764, Giêm Ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi và đặt tên là Gien-ni (tên của con gái ông)...	0.25
	– Năm 1769, R. Các-rai phát minh ra máy kéo sợi chạy bằng sức nước,...; xây dựng xưởng dệt bên bờ sông chảy xiết ở Man-che-xtơ...	0.25
	– Năm 1784, Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước... Phát minh của ông về sau được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực...	0.50
Câu 2	Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong phong trào Tây Sơn và lịch sử dân tộc.	2.00

	– Cùng với Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ đã trực tiếp lãnh đạo phong trào Tây Sơn, lần lượt lật đổ các tập đoàn phong kiến (chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê, xoá bỏ ranh giới sông Ranh, đặt cơ sở cho việc thống nhất đất nước.	0.50
	– Lãnh đạo nhân dân tiến hành hai cuộc kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.	0.50
	– Là một nhà quân sự tài giỏi: tổ chức trận địa mai phục đánh tan quân Xiêm ở trận Rạch Gầm – Xoài Mút; nghệ thuật hành quân thần tốc từ Phú Xuân ra Bắc lật đổ chúa Trịnh – vua Lê; nghệ thuật tổ chức đánh quân Thanh,...	0.50
	– Là Anh hùng dân tộc. Nhiều trường học và đường phố trên cả nước được mang tên Nguyễn Huệ - Quang Trung,...	0.50
Câu 3	Việc chính quyền chúa Nguyễn tổ chức các hoạt động ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa (thông qua đội Hoàng Sa và Bắc Hải) trong thế kỉ XVII – XVIII có ý nghĩa như thế nào?	1.00
	– Khẳng định việc xác lập chủ quyền của Việt Nam từ thời chúa Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.	0.50
	– Đặt cơ sở lịch sử để thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo sau này.	0.50
Tổng điểm		5.00

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2023

BIÊN SOẠN TÀI LIỆU

PGS.TS NGUYỄN MẠNH HƯỞNG

